

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỤC LỤC | 1 |
| LỜI MỞ ĐẦU | 4 |
| PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP..... | 5 |
| 1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất..... | 5 |
| 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu | 5 |
| 1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu | 6 |
| 1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp | 6 |
| 1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất | 8 |
| 1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu..... | 8 |
| 1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu..... | 10 |
| 1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng | 18 |
| 1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu | 20 |
| 1.2.2.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song | 20 |
| 1.2.2.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển | 21 |
| 1.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu | 25 |
| 1.2.3.1. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên | 25 |
| 1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 30 |
| 1.3. Tổ chức sổ kế toán | 32 |
| 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung | 32 |
| 1.3.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 32 |
| 1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung: .. | 33 |
| 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái | 34 |
| 1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái | 34 |
| 1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái | 34 |
| 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 35 |
| 1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 35 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

| | |
|--|-----------|
| 1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ . | 35 |
| 1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ | 36 |
| 1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (NKCT) | 36 |
| 1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NK - CT..... | 37 |
| 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính: | 37 |
| 1.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính:..... | 37 |
| PHẦN 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG. | 39 |
| 2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Hưng Đạo container và Chi nhánh của công ty tại Hải Phòng | 39 |
| 2.1.1. Công ty cổ phần Hưng Đạo Container..... | 39 |
| 2.1.2. Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Hải Phòng..... | 40 |
| 2.1.3. Tổ chức sản xuất kinh doanh và đặc điểm sản phẩm của công ty | 41 |
| 2.1.3.1. Tổ chức sản xuất kinh doanh | 41 |
| 2.1.3.2. Những sản phẩm chính | 41 |
| 2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động..... | 42 |
| 2.1.4.1 Những thuận lợi | 42 |
| 2.1.4.2. Những khó khăn..... | 42 |
| 2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh công ty tại Hải Phòng | 42 |
| 2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 44 |
| 2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán..... | 44 |
| 2.1.6.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 46 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 48 |
| 2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu | 48 |
| 2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu..... | 49 |
| 2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu..... | 49 |
| 2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu..... | 53 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

| | |
|--|-----|
| 2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 54 |
| 2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho..... | 54 |
| 2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho | 56 |
| 2.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 58 |
| 2.2.5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu | 61 |
| 2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng | 61 |
| 2.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng | 64 |
| 2.2.5.3. Sổ sách kế toán sử dụng..... | 64 |
| 2.2.5.4. Phương pháp hạch toán..... | 65 |
| 2.2.6. Công tác kiểm kê kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 87 |
| PHẦN 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG. | 90 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 90 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 90 |
| 3.1.2. Hạn chế..... | 93 |
| 3.2.1. Sự cần thiết của hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu..... | 94 |
| 3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu..... | 94 |
| 3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng | 95 |
| 3.2.3.1. Về việc ứng dụng phần mềm kế toán..... | 96 |
| 3.2.3.2. Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho..... | 97 |
| 3.2.3.3. Về việc luân chuyển chứng từ | 99 |
| 3.2.3.4. Về việc phân công nhân viên kế toán | 100 |
| KẾT LUẬN | 101 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 102 |

LỜI MỞ ĐẦU

Các doanh nghiệp hiện nay luôn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để tồn tại và phát triển, trong đó phải kể đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Muốn đứng vững trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải đề ra chiến lược sản xuất kinh doanh hợp lý để vừa tiết kiệm được chi phí vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Một trong những công cụ để thực hiện mục tiêu trên là quản lý tốt công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng vì chi phí nguyên vật liệu quyết định phần lớn chi phí sản xuất và là nhân tố làm nên chất lượng sản phẩm. Mặt khác chi phí nguyên vật liệu được hạch toán chính xác, kịp thời, hợp lý mới phản ánh đúng giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

Nhận thức được vai trò của nguyên vật đối với quá trình sản xuất kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp, sau một thời gian thực tập, tìm hiểu công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng cùng với những kiến thức đã học trong trường đại học em xin mạnh dạn chọn đề tài “ *Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mục đích nghiên cứu của đề tài là vận dụng lý luận về kế toán nguyên vật liệu vào thực tiễn kế toán tại Chi nhánh công ty để từ đó đề ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng. Kết cấu khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm ba phần:

Phần 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Phần 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng

Phần 3: Một số nhận xét, đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng

Với sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán và ban lãnh đạo Chi nhánh công ty và sự hướng dẫn của thầy Dương Văn Biên, bên cạnh đó là sự cố gắng của bản thân, em đã hoàn thành đề tài tốt nghiệp. Nhưng do trình độ và thời gian có hạn nên khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để củng cố và hoàn thiện kiến thức.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất:

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu:

★ Khái niệm nguyên vật liệu:

Theo chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho (Ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Hàng tồn kho bao gồm:

- Hàng hóa mua về để bán: Hàng hóa tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến;
- Thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán;
- Sản phẩm dở dang: Sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường;
- Chi phí dịch vụ dở dang.

Như vậy, nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm do đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

★ Đặc điểm của nguyên vật liệu:

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Về mặt hiện vật: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm.

- Xét về mặt giá trị: Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Như vậy, xét trên hai phương diện giá trị và hiện vật, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất kỳ quá trình sản xuất nào. Dưới hình thái hiện vật, nó biểu hiện là một bộ phận quan trọng của sản phẩm lao động, còn dưới hình thái giá trị, nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ. Do vậy, việc quản lý nguyên vật liệu chính là quản lý vốn sản xuất kinh doanh và tài sản lưu động của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm:

- Về mặt chi phí: Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Mỗi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Vì vậy nó là một yếu tố chi phí luôn được chú trọng khi doanh nghiệp muốn tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng trong vốn hoạt động của doanh nghiệp. Việc tổ chức sử dụng tốt nguyên vật liệu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động .

Từ những vai trò của nguyên vật liệu nêu trên đòi hỏi mỗi doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác hạch toán nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời, đảm bảo đúng quy cách, đồng thời có phương án dự trữ, bảo quản tốt nguyên vật liệu góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:

Nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quản lý tốt nguyên vật liệu tạo điều kiện để xác định hiệu quả kinh doanh, đánh giá tài sản của doanh nghiệp một cách xác đáng, đầy đủ. Mặt khác, quản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lý tốt khâu thu mua, dự trữ nguyên vật liệu giúp quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra nhịp nhàng, liên tục, ổn định theo đúng kế hoạch; về mặt tài chính giúp doanh nghiệp không bị ứ đọng vốn, thiếu vốn. Muốn vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu phải đảm bảo các yêu cầu sau:

★ Đối với khâu thu mua:

Để có được những loại nguyên vật liệu chất lượng tốt, đúng chủng loại, kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất, doanh nghiệp cần xác định rõ nhu cầu về nguyên vật liệu như: số lượng, chất lượng, cơ cấu, chủng loại vật liệu. Từ việc xác định rõ nhu cầu như trên, doanh nghiệp cần tìm kiếm các nhà cung cấp có uy tín, luôn cung cấp nguyên vật liệu với chất lượng tốt, đúng quy cách, số lượng, giá cả hợp lý, tuân thủ đúng thời gian giao hàng. Ngoài ra, doanh nghiệp nên chọn những nhà cung cấp có địa điểm thuận lợi để đảm bảo tiến độ giao hàng. Các hợp đồng liên qua đến thu mua nguyên vật liệu phải đảm bảo về mặt pháp lý và mang lại quyền lợi hợp pháp cho cả hai bên. Tổ chức tốt được công tác thu mua nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp giảm thiểu được các chi phí không cần thiết, đồng thời còn góp phần tăng tốc độ lưu chuyển vốn lưu động cho doanh nghiệp.

★ Đối với công tác quản lý:

Thông thường, các doanh nghiệp thường dự trữ nguyên vật liệu nhiều hơn nhu cầu sản xuất trong kỳ để đảm bảo quá trình sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục. Những nguyên vật liệu mua về chưa được sử dụng ngay vào việc sản xuất sẽ được bảo quản trong các kho tàng và được phân loại giúp thuận tiện trong quá trình theo dõi, cất giữ. Để nguyên vật liệu luôn duy trì ở trạng thái tốt, kho bãi của doanh nghiệp cần được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn. Đồng thời doanh nghiệp cần bố trí đội ngũ thủ kho có trình độ, kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm và tư cách đạo đức tốt để tham gia quản lý nguyên vật liệu. Doanh nghiệp cũng cần thường xuyên kiểm tra nguyên vật liệu nhằm phát hiện những mất mát, hao hụt cũng như sự giảm sút về mặt chất lượng nguyên vật liệu để có những biện pháp xử lý kịp thời.

★ Đối với quá trình sử dụng:

Để có những sản phẩm đạt chất lượng thì việc tổ chức tốt quá trình thu mua và bảo quản nguyên vật liệu là chưa đủ mà doanh nghiệp còn phải xuất dùng nguyên vật liệu một cách khoa học để không gây thiếu hụt nguyên vật liệu cho sản xuất cũng như làm lãng phí nguyên vật liệu. Muốn vậy, doanh nghiệp cần tuân thủ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nghiêm ngặt quy trình sản xuất, xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý, đồng thời khi xuất nguyên vật liệu cũng phải đúng trình tự để bảo đảm cho việc theo dõi được chính xác và thuận lợi. Làm tốt công tác xuất dùng nguyên vật liệu sẽ tạo cơ sở thuận lợi cho việc tính giá thành sản phẩm và xác định chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất:

Để có thể đáp ứng yêu cầu quản lý, tổ chức kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức hệ thống chứng từ, cần tuân thủ các quy định về mẫu của Bộ Tài chính, thời gian lập, trình tự luân chuyển, bảo quản và lưu trữ chứng từ. Trình tự luân chuyển phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho những người quản lý nguyên vật liệu, bảo đảm sự an toàn cho chứng từ, cập nhật vào sổ kế toán đầy đủ, kịp thời, tránh sự trùng lặp hoặc luân chuyển chứng từ qua những khâu không cần thiết và phải giảm thời gian luân chuyển chứng từ tới mức thấp nhất.

- Hệ thống tài khoản kế toán vận dụng phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất và nguyên tắc thích ứng. Tài khoản tổng hợp của doanh nghiệp xây dựng căn cứ vào chế độ kế toán và thống nhất chung theo chế độ ban hành. Bên cạnh đó các tài khoản chi tiết được xây dựng dựa trên đặc điểm riêng của doanh nghiệp sao cho phù hợp với công tác kế toán của doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác kế toán.

- Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu cũng cần đảm bảo hai nguyên tắc thống nhất và thích ứng, xây dựng đầy đủ các loại sổ bắt buộc do Bộ Tài chính ban hành đồng thời xây dựng các loại sổ phục vụ cho quản lý nguyên vật liệu cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

- Các báo cáo về nguyên vật liệu cũng cần được xây dựng theo đúng chế độ kế toán ban hành, đảm bảo lập đúng kỳ và được chuyển đến các bộ phận chức năng quản lý nguyên vật liệu.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu sử dụng trong các doanh nghiệp gồm nhiều loại có vai trò, công dụng khác nhau phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu để thuận tiện

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trong quá trình quản lý và hạch toán. Để phân loại nguyên vật liệu, các doanh nghiệp thường sử dụng một số tiêu chí phân loại sau:

★ **Phân loại theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh:** Theo tiêu thức phân loại này, nguyên vật liệu được phân chia thành:

- *Nguyên vật liệu chính:* Là nguyên vật liệu mà sau quá trình gia công chế biến sẽ cấu thành hình thái vật chất của sản phẩm.

- *Vật liệu phụ:* Là những vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất kinh doanh, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện, nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ dụng cụ hoạt động bình thường, hoặc được sử dụng cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu:* Là những vật liệu dùng để tạo ra nhiệt năng. Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành một loại riêng do việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chiếm một tỷ trọng lớn, ngoài ra nhiên liệu cũng có yêu cầu và kỹ thuật quản lý khác với các loại vật liệu phụ thông thường.

- *Phụ tùng thay thế:* Là loại vật tư sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản:* Là các loại thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản.

- *Vật liệu khác:* Là các loại vật liệu đặc chủng của từng doanh nghiệp hoặc phế liệu thu hồi.

★ **Phân loại theo nguồn hình thành nguyên vật liệu:** Theo cách phân loại này, nguyên vật liệu bao gồm:

- *Vật liệu tự chế:* là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- *Vật liệu mua ngoài:* là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- *Vật liệu khác:* là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

★ **Phân loại theo mục đích sử dụng của nguyên vật liệu:** Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp thường dùng cho mục đích sản xuất và các mục đích khác.

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất:* là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho chế tạo sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác:* như nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem góp vốn liên doanh, liên kết; nguyên vật liệu đem quyên tặng.

1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu:

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, chính xác.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho (Ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) thì “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc”. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (trong đó giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng)

★ **Giá gốc hàng tồn kho** bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trong đó:

✓ **Chi phí thu mua** của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

✓ **Chi phí chế biến** hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm, như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí sản xuất chung cố định là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất, như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà xưởng,... và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. (công suất bình thường là số lượng sản phẩm đạt được ở mức trung bình trong các điều kiện sản xuất bình thường).

Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh.

Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định chỉ được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí sản xuất chung biến đổi là những chi phí sản xuất trực tiếp, thường thay đổi trực tiếp hoặc gần như trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất, như chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh.

- Trường hợp một quy trình sản xuất ra nhiều loại sản phẩm trong cùng một khoảng thời gian mà chi phí chế biến của mỗi loại sản phẩm không được phản ánh một cách tách biệt, thì chi phí chế biến được phân bổ cho các loại sản phẩm theo tiêu thức phù hợp và nhất quán giữa các kỳ kế toán.

- Trường hợp có sản phẩm phụ, thì giá trị sản phẩm phụ được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được và giá trị này được trừ (-) khỏi chi phí chế biến đã tập hợp chung cho sản phẩm chính.

✓ **Chi phí liên quan trực tiếp khác** tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho. Ví dụ, trong giá gốc thành phẩm có thể bao gồm chi phí thiết kế sản phẩm cho một đơn đặt hàng cụ thể.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí bán hàng;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

★ Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:

Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

- Đối với vật liệu mua ngoài:

| | | | | | | | | |
|-------------------------------|---|--------------------------|---|-----------------|---|------------------------------------|---|-------------------------|
| Giá thực tế của NVL mua ngoài | = | Giá mua ghi trên hoá đơn | + | Chi phí thu mua | + | Các khoản thuế không được hoàn lại | - | CKTM, Giảm giá hàng mua |
|-------------------------------|---|--------------------------|---|-----------------|---|------------------------------------|---|-------------------------|

Trong đó:

- Chi phí thu mua: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, hao hụt trong định mức.

- Các khoản thuế không được hoàn lại: như thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)...

- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến (GCCB):

| | | | | | | |
|------------------------------------|---|---|---|-------------------------|---|-----------------------------|
| Giá thực tế của VL thuê ngoài GCCB | = | Giá thực tế của VL xuất thuê ngoài GCCB | + | Chi phí thuê ngoài GCCB | + | Chi phí vận chuyển (nếu có) |
|------------------------------------|---|---|---|-------------------------|---|-----------------------------|

- Đối với vật liệu tự chế:

| | | | | |
|---------------------------|---|-----------------------------|---|-----------------------------|
| Giá thực tế của VL tự chế | = | Giá thành sản xuất vật liệu | + | Chi phí vận chuyển (nếu có) |
|---------------------------|---|-----------------------------|---|-----------------------------|

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với vật liệu được cấp:

| | | | | |
|-----------------------------|---|-----------------------------|---|----------------------------|
| Giá thực tế của VL được cấp | = | Giá theo biên bản giao nhận | + | Chi phí phát sinh (nếu có) |
|-----------------------------|---|-----------------------------|---|----------------------------|

- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:

| | | | | |
|--|---|---|---|---------------------------------|
| Giá thực tế của vật liệu nhận góp vốn liên doanh | = | Giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh đánh giá | + | Chi phí liên quan đến tiếp nhận |
|--|---|---|---|---------------------------------|

- Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ:

| | | | | |
|---|---|-----------------------------------|---|----------------------------|
| Giá thực tế của vật liệu được biếu tặng, viện trợ | = | Giá thị trường tại thời điểm nhận | + | Chi phí phát sinh (nếu có) |
|---|---|-----------------------------------|---|----------------------------|

- Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

| | | |
|----------------------------------|---|--|
| Giá thực tế của phế liệu thu hồi | = | Giá có thể sử dụng lại hoặc giá có thể bán |
|----------------------------------|---|--|

★ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số kế toán số 02 - Hàng tồn kho (Ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

Ngoài ra trên thực tế còn có

- Phương pháp giá hạch toán.
- Phương pháp xác định giá trị tồn cuối kỳ theo giá mua lần cuối.

Tuy nhiên khi xuất kho nguyên vật liệu, kế toán phải tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

✓ Phương pháp giá thực tế đích danh:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

✓ Phương pháp bình quân:

Theo phương pháp này, trị giá xuất của vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 3 phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ này}}{\text{Số lượng vật tư tồn đầu kỳ này}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán vì giá vật liệu xuất kho tính khá đơn giản, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình biến động của vật liệu trong kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu. Trường hợp giá cả thị trường nguyên vật liệu có sự biến động lớn thì việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này trở nên thiếu chính xác.

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ (BQCKDT):

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

$$\text{Đơn giá BQCKDT NVL xuất kho} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL NK trong kỳ}}{\text{Lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Lượng NVL NK trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phương pháp bình quân liên hoàn (BQLH):

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất để tính giá xuất nguyên vật liệu.

| | | |
|------------------------------|---|---|
| Đơn giá BQLH NVL xuất kho | = | $\frac{\text{Trị giá NVL tồn trước lần nhập } n + \text{Trị giá NVL nhập lần } n}{\text{Lượng NVL tồn trước lần nhập } n + \text{Lượng NVL nhập lần } n}$ |
|------------------------------|---|---|

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá VL xuất kho chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

✓ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính theo giá của lô nguyên vật liệu nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Như vậy, nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao và giá trị vật liệu xuất dùng nhỏ nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng. Ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn dẫn đến lợi nhuận trong kỳ giảm.

Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ lạm phát, và áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

✓ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính theo giá của lô nguyên vật liệu nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

Ngoài 4 phương pháp trên theo chuẩn mực quy định, thực tế các doanh nghiệp còn có thể sử dụng các phương pháp sau:

✓ Phương pháp xác định trị giá tồn cuối kỳ theo giá mua lần cuối:

Theo phương pháp này, căn cứ vào đơn giá mua nguyên vật liệu lần cuối để xác định trị giá vật tư tồn cuối kỳ, từ đó xác định trị giá vật tư xuất trong kỳ.

| | | | | | | |
|---------------------------|---|------------------------|---|---------------------------|---|-------------------------|
| Trị giá NVL xuất trong kỳ | = | Trị giá NVL tồn đầu kỳ | + | Trị giá NVL nhập trong kỳ | - | Trị giá NVL tồn cuối kỳ |
|---------------------------|---|------------------------|---|---------------------------|---|-------------------------|

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó:

$$\text{Trị giá NVL tồn cuối kỳ} = \text{Số lượng NVL tồn cuối kỳ} \times \text{Đơn giá mua lần cuối}$$

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ công việc của kế toán vì kế toán chỉ phải tính một lần vào cuối kỳ. Trị giá vật tư tồn cuối kỳ được đánh giá đúng theo giá thị trường.

Nhược điểm: Chỉ xác định được tổng giá trị vật liệu xuất trong kỳ mà không tính được cụ thể từng lần xuất, nên không thể tập hợp chi phí cho từng bộ phận, từng đơn đặt hàng.

✓ Phương pháp giá hạch toán (phương pháp hệ số giá):

Theo phương pháp này, việc hạch toán chi tiết nhập, xuất vật tư sử dụng theo một đơn giá cố định gọi là giá hạch toán, cuối kỳ điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán, nên phương pháp này còn gọi là phương pháp hệ số giá.

$$\text{Hệ số giá NVL} = \frac{\text{Trị giá tte NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá tte NVL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá htoán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá htoán NVL nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá tte NVL xuất trong kỳ} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá hạch toán} \times \text{Hệ số giá NVL}$$

$$\text{Trị giá tte NVL tồn kho cuối kỳ} = \text{Số lượng NVL tồn kho cuối kho} \times \text{Đơn giá hạch toán} \times \text{Hệ số giá NVL}$$

Giá hạch toán chỉ có tác dụng trong sổ chi tiết, không có tác dụng trong sổ tổng hợp. Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có nhiều loại vật liệu, giá thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất vật liệu diễn ra thường xuyên và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao. Áp dụng phương pháp này cuối tháng kế toán sẽ lập Bảng kê tính giá vật tư, hàng hoá để từ đó xác định giá thực tế vật tư, hàng hoá xuất dùng trong kỳ và tồn kho cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG KÊ TÍNH GIÁ VẬT TƯ, HÀNG HÓA

| STT | Chỉ tiêu | TK152-VLC | | TK152-VLP | | | Cộng | |
|-----|----------------------------|-----------|----|-----------|----|-------|------|----|
| | | HT | TT | HT | TT | | HT | TT |
| 1 | Trị giá tồn đầu kỳ | | | | | | | |
| 2 | Trị giá nhập trong kỳ | | | | | | | |
| 3 | Tồn đầu kỳ + nhập trong kỳ | | | | | | | |
| 4 | Hệ số giá | | | | | | | |
| 5 | Trị giá xuất trong kỳ | | | | | | | |
| 6 | Trị giá tồn cuối kỳ | | | | | | | |

Ưu điểm: Phương pháp giá hạch toán cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp về nguyên vật liệu trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm nguyên vật liệu, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít.

Nhược điểm: Phương pháp tính giá này không chính xác vì nó không tính đến sự biến động giá cả của vật liệu. Phương pháp này chỉ nên áp dụng khi thị trường giá cả ít biến động.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng:

Ngày 20/03/2006 Bộ trưởng Bộ tài chính đã ký quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước từ năm tài chính 2006. Theo quyết định này, chế độ chứng từ về kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

| STT | Tên chứng từ | Số hiệu | Tính chất |
|-----|--|-------------|-----------|
| 1 | Phiếu nhập kho | 01-VT | HD |
| 2 | Phiếu xuất kho | 02-VT | HD |
| 3 | Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, SP, HH | 03-VT | HD |
| 4 | Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ | 04-VT | HD |
| 5 | Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, SP, HH | 05-VT | HD |
| 6 | Bảng kê mua hàng | 06-VT | HD |
| 7 | Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ | 07-VT | HD |
| 8 | Hoá đơn Giá trị gia tăng | 01GTKT-3LL | BB |
| 9 | Hoá đơn bán hàng thông thường | 02GTGT-3LL | BB |
| 10 | Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ | 03 P XK-3LL | BB |
| 11 | Bảng kê thu mua hàng hoá không có HĐ | 04/GTGT | BB |
| 12 | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

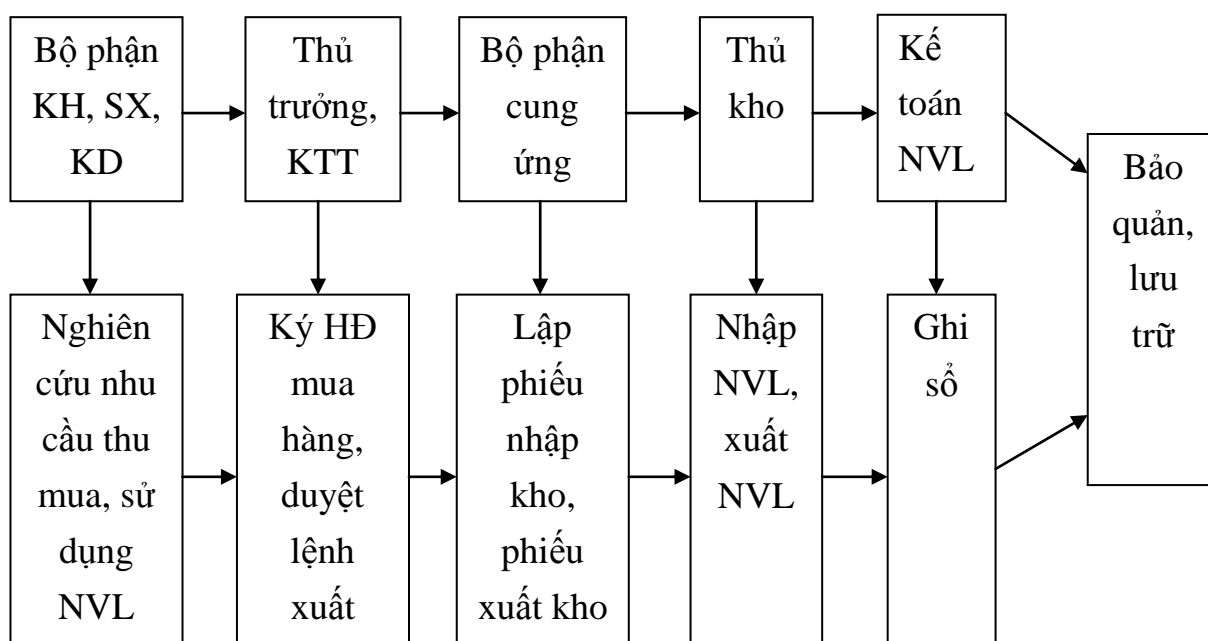
Chứng từ kế toán phải có đầy đủ các yếu tố sau đây:

- Tên và số hiệu của chứng từ kế toán;
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ kế toán;
- Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;
- Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;
- Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ;
- Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán;
- Những chứng từ dùng làm căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán phải có thêm chỉ tiêu định khoản kế toán.

Chứng từ kế toán phải được lập đầy đủ số liên theo quy định. Việc ghi chép chứng từ phải rõ ràng, trung thực, đầy đủ các yếu tố, gạch bỏ phần để trống, không được tẩy xóa, sửa chữa trên chứng từ. Trường hợp viết sai cần huỷ bỏ, không xé rời ra khỏi cuống.

Quy trình lập và luân chuyển chứng từ về nguyên vật liệu được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Quy trình lập và luân chuyển chứng từ về nguyên vật liệu



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư.

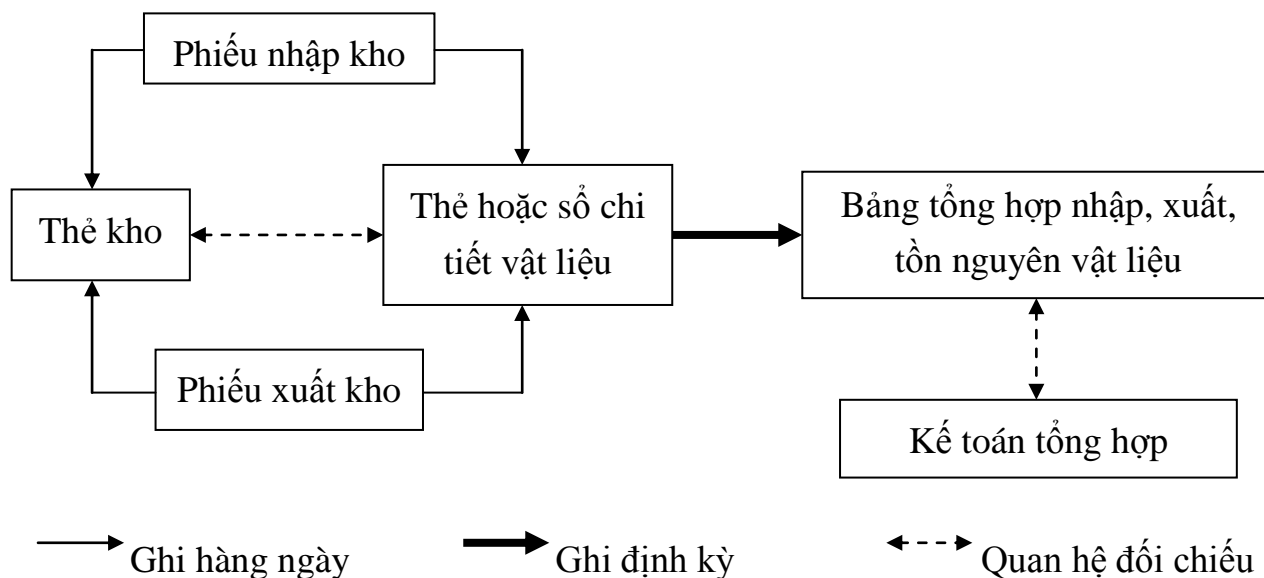
Công tác hạch toán chi tiết phải đảm bảo theo dõi được tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị của từng danh điểm vật tư, phải tổng hợp được tình hình luân chuyển và tồn của từng danh điểm theo từng kho, từng quầy, từng bãi.

Hiện nay các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong ba phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu như sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

1.2.2.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:

Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho bàn giao, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền, phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào “Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu”.

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu, dễ phát hiện sai sót đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và tồn kho của từng danh điểm nguyên vật liệu kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán ở chỉ tiêu số lượng, làm tăng khối lượng công việc của kế toán, tốn nhiều công sức và thời gian.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán máy và các doanh nghiệp thực hiện kế toán bằng tay trong điều kiện doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

| Danh điểm VT | Tên VT | ĐVT | Đơn giá | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|--------------|--------|-----|---------|------------|----|---------------|----|---------------|----|-------------|----|
| | | | | SL | TT | SL | TT | SL | TT | SL | TT |
| | | | | | | | | | | | |

1.2.2.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

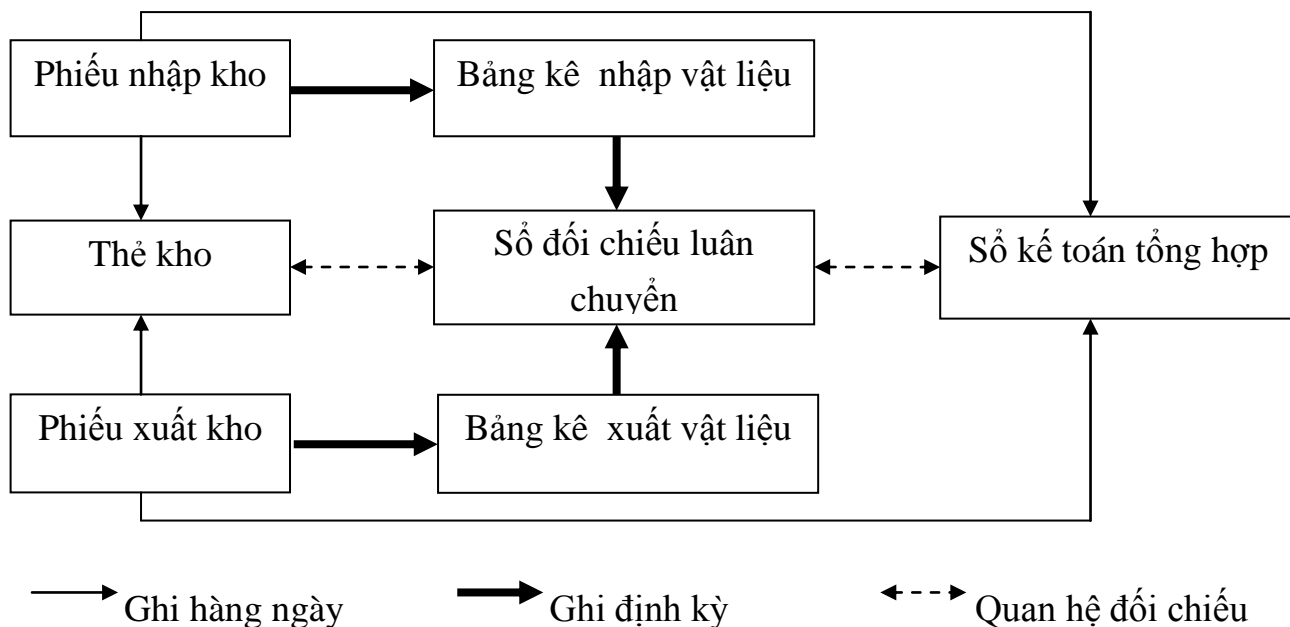
Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp thẻ song song.

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập “Bảng kê nhập vật liệu”, “Bảng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kê xuất vật liệu”. Rồi ghi vào “ Sổ đối chiếu luân chuyển”. Cuối kỳ đối chiếu thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ưu điểm: Tiết kiệm công tác lập sổ kế toán so với phương pháp thẻ song song, giảm nhẹ khối lượng ghi chép của kế toán, tránh việc ghi chép trùng lặp.

Nhược điểm: Khó kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục, hơn nữa làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

Điều kiện vận dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nhưng số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

BẢNG KÊ NHẬP, XUẤT VẬT LIỆU

| Danh điểm VT | Tên VT | ĐVT | Giá hạch toán | Số lượng chứng từ | Số lượng | | | Số tiền |
|--------------|--------|-----|---------------|-------------------|----------|--------|------|---------|
| | | | | | Kho... | Kho... | Cộng | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN

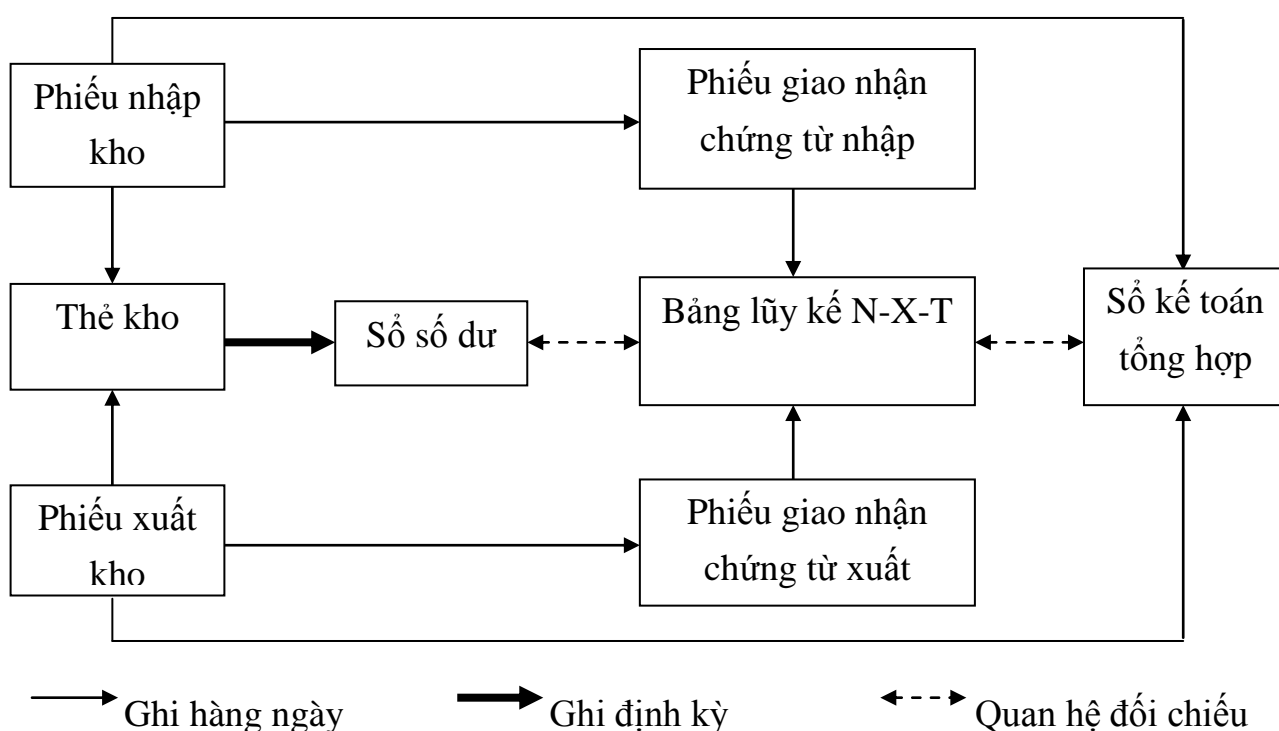
Năm.....

Kho.....

| Danh điểm | Tên VT | ĐVT | Đơn giá | Số dư đầu tháng n | | Luân chuyển tháng n | | | | Số dư đầu tháng $n+1$ | |
|--------------|-----------|-----|------------|------------------------|----|-----------------------|----|------|----|--------------------------|----|
| | | | | | | Nhập | | Xuất | | | |
| | | | | SL | TT | SL | TT | SL | TT | SL | TT |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

1.2.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:

Sơ đồ 1.4: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư



Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào Sổ số dư.

Tại phòng kế toán: Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, có lập phiếu giao nhận chứng từ. Căn cứ vào đó, kế toán lập Bảng lũy kế nhập xuất tồn. Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên Sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm nguyên vật liệu trên sổ số dư với Bảng lũy kế nhập xuất tồn.

Ưu điểm: Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhược điểm: Sử dụng phương pháp này sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập xuất của mỗi loại nhiều, đồng thời nhân viên kế toán và thủ kho của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn cao.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày..... đến ngày..... tháng.....năm.....

| Nhóm vật liệu | Số lượng chứng từ | Số hiệu | Số tiền |
|---------------|-------------------|---------|---------|
| | | | |
| | | | |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận

Người giao

(Cột số tiền do kế toán tính toán và điền vào, thủ kho và kế toán chỉ giao nhận về số lượng chứng từ và số hiệu chứng từ)

SỔ SỐ DƯ

Năm.....

Kho.....

| Danh điểm VT | Tên VT | ĐVT | Đơn giá | Số dư đầu năm | | Tồn kho cuối tháng 1 | | Tồn kho cuối tháng 2 | | |
|--------------|--------|-----|---------|---------------|----|----------------------|----|----------------------|----|-------|
| | | | | SL | TT | SL | TT | SL | TT | |
| | | | | | | | | | | |

BẢNG LŨY KẾ NHẬP XUẤT TỒN KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng.....năm.....

Kho.....

| Danh điểm vật tư | Tên vật tư | Đơn giá | Tồn đầu tháng | Nhập | | | Xuất | | | Tồn cuối tháng |
|------------------|------------|---------|---------------|----------------------|----------------------|-----------|----------------------|----------------------|-----------|----------------|
| | | | | Từ ngày ... đến ngày | Từ ngày ... đến ngày | Cộng nhập | Từ ngày ... đến ngày | Từ ngày ... đến ngày | Cộng xuất | |
| | | | | | | | | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

1.2.3.1. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán.

Sử dụng phương pháp này có thể tính được trị giá vật tư nhập, xuất, tồn tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ tổng hợp. Trong phương pháp này, tài khoản nguyên vật liệu được phản ánh theo đúng nội dung tài khoản tài sản.

Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có giá trị nguyên vật liệu lớn.

★ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu": Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Kết cấu của TK 152:

- Bên Nợ:

- + Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.
- + Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

- Bên Có:

- + Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.
- + Trị giá NVL được giảm giá, CKTM hoặc trả lại người bán.
- + Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

- Dư Nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại NVL tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2:

-TK 1521 - Nguyên vật liệu chính

-TK 1522 - Vật liệu phụ

-TK 1523 - Nhiên liệu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-TK 1524 - Phụ tùng thay thế

-TK 1528 - Vật liệu khác

Tài khoản 151 "Hàng mua đi đường": Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho. Kết cấu TK 151:

- Bên Nợ: Giá trị nguyên vật liệu đang đi đường.

- Bên Có: Giá trị nguyên vật liệu đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng.

- Dư Nợ: Giá trị nguyên vật liệu đi đường chưa về nhập kho.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515..

★ Phương pháp hạch toán

✓ **Hạch toán tổng hợp tăng nguyên vật liệu:**

a. Tăng do mua ngoài:

Trường hợp 1: Vật liệu và hoá đơn cùng về, căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan kế toán ghi:

Nợ TK 152: Giá thực tế

Nợ TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331, 141, 311...: tổng giá thanh toán

Trường hợp 2: Vật tư về trước, hoá đơn về sau, khi vật tư về làm thủ tục nhập kho, lưu phiếu nhập kho vào tập hồ sơ hàng chưa có hoá đơn.

- Nếu trong kỳ hoá đơn về: hạch toán như trường hợp 1.

- Nếu cuối kỳ hoá đơn chưa về, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Giá tạm tính

Có TK 331: Giá tạm tính

Sang tháng sau khi hoá đơn về, kế toán ghi bổ sung hoặc ghi âm để điều chỉnh giá tạm tính thành giá hoá đơn, ví dụ giá hóa đơn lớn hơn giá tạm tính kế toán sẽ ghi bút toán:

Nợ TK 152 : Giá nhập thực tế trừ (-) giá tạm tính

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 : Giá thanh toán trừ (-) giá tạm tính

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trường hợp 3: Hoá đơn về trước, vật tư về sau, khi hoá đơn về lưu hoá đơn vào tập hồ sơ hàng đang đi đường.

- Nếu trong kỳ vật tư về, hạch toán giống trường hợp 1.

- Nếu cuối kỳ vật tư chưa về, kế toán ghi:

Nợ TK 151: Giá trị vật tư

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331, 111, 112... Tổng trị giá thanh toán

Sang kỳ sau khi vật tư về kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nếu vật tư đưa vào nhập kho

Nợ TK 621, 627, 642... Nếu vật tư mua về được sử dụng ngay

Có TK 151

Trong cả 3 trường hợp trên, nếu được chiết khấu, giảm giá, trả lại vật tư kế toán hạch toán như sau:

- Với chiết khấu thanh toán được hưởng:

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 515

- Với chiết khấu thương mại:

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 152

- Với trường hợp giảm giá hoặc trả lại vật tư cho người bán:

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 152

Có TK 133

b. Tăng do các nguyên nhân khác:

Nợ TK 152: nguyên vật liệu tăng

Có TK 411: được cấp hoặc nhận vốn góp liên doanh

Có TK 711: được viện trợ, biếu tặng

Có TK 154: thuê ngoài GCCB hoặc tự sản xuất đã hoàn thành

Có TK 154, 711: thu hồi phế liệu trong sản xuất, thanh lý TSCĐ

Có TK 621, 627, 641, 642: sử dụng còn thừa nhập lại kho

Có TK 1388: nhập vật tư từ cho vay, mượn

Có TK 128, 222: nhận lại vốn góp liên doanh

Có TK 338: kiểm kê thừa, vật tư vay mượn tạm thời của đơn vị khác

Có TK 412: đánh giá tăng nguyên vật liệu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Hạch toán tổng hợp giảm nguyên vật liệu:

a. Xuất nguyên vật liệu sử dụng cho các bộ phận:

Nợ TK 621, 627, 641, 642: Theo trị giá xuất

Có TK 152: trị giá xuất

b. Xuất góp liên doanh:

Giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh đánh giá, chênh lệch giữa giá trị vốn góp và giá trị ghi sổ do đánh giá lại nguyên vật liệu được hạch toán là thu nhập khác hoặc chi phí khác:

Nợ TK 128, 222: giá trị vốn góp

Nợ TK 811 : phần chênh lệch tăng

Có TK 152: giá trị xuất thực tế

Có TK 711: phần chênh lệch giảm

c. Xuất vật liệu bán:

- Phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632: Trị giá xuất

Có TK 152: Trị giá xuất

- Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131: giá bán cả thuế GTGT

Có TK 511: giá bán chưa thuế GTGT

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

d. Kiểm kê thiếu nguyên vật liệu:

Nợ TK 1381 Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thiếu

Có TK 152: Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thiếu

Xử lý chỗ thiếu:

Nợ TK 1388, 334, 111, 112: cá nhân bồi thường

Nợ TK 632: tính vào giá vốn hàng bán

Có TK 1381: Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thiếu

e. Xuất nguyên vật liệu cho các mục đích khác:

Nợ TK 154: thuê ngoài gia công chế biến

Nợ TK 1388, 136: cho vay, cho mượn

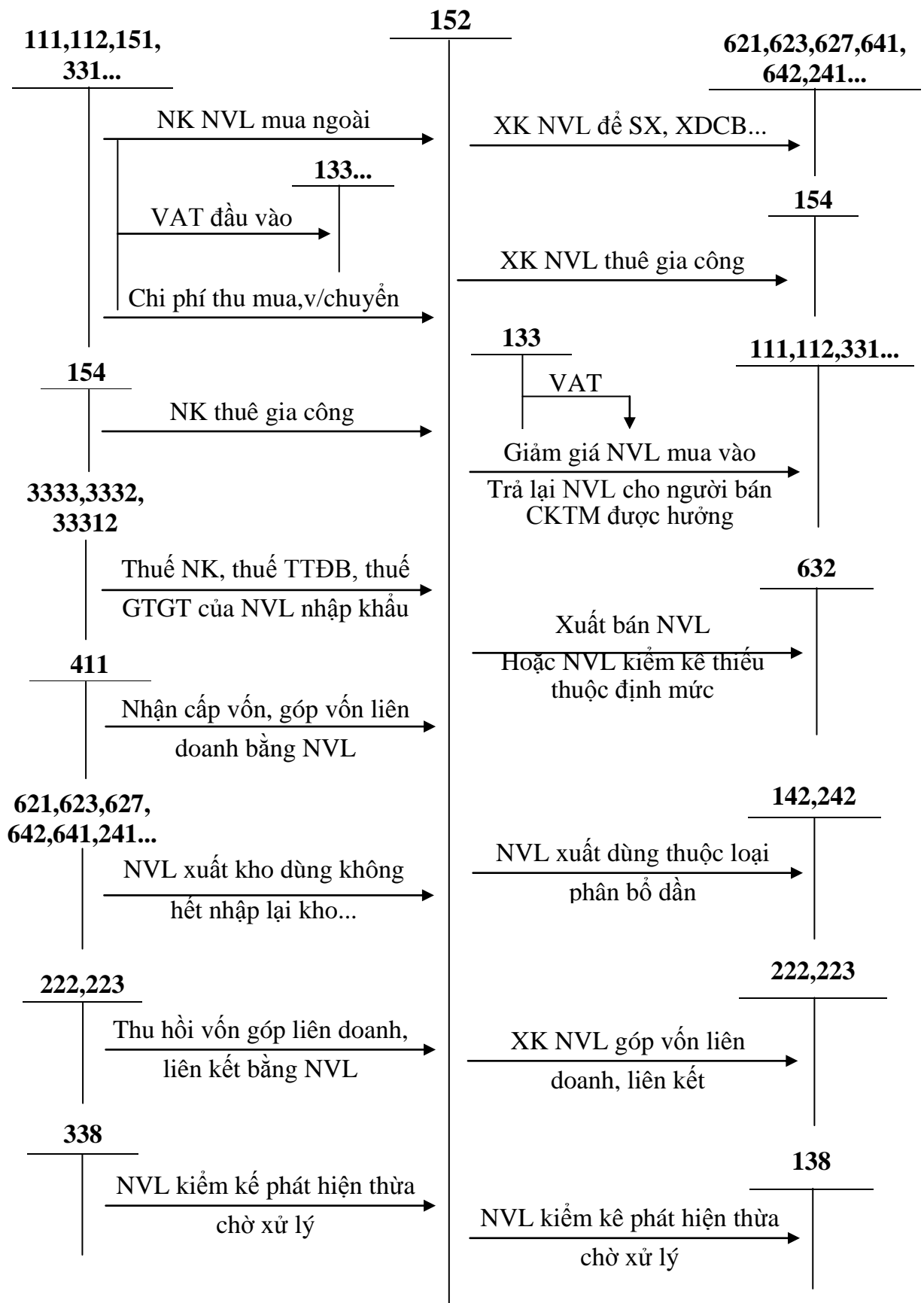
Nợ TK 411: trả lại vốn góp liên doanh

Nợ TK 4312: viện trợ, biếu tặng

Nợ TK 412: đánh giá giảm nguyên vật liệu

Có TK 152: nguyên vật liệu giảm

Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất.

| | | | | | | |
|----------------------------|---|------------------------------|---|-------------------------------------|---|-------------------------------|
| Trị giá vật tư xuất kho | = | Trị giá vật tư tồn đầu kỳ | + | Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ | - | Trị giá vật tư tồn cuối kỳ |
|----------------------------|---|------------------------------|---|-------------------------------------|---|-------------------------------|

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản “ Mua hàng” - 611.

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

★ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 "Mua hàng": Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất ra trong kỳ. Kết cấu TK 611:

- Bên Nợ:

+ Kết chuyển trị giá vật tư tồn đầu kỳ

+ Trị giá vật tư nhập trong kỳ

- Bên Có:

+ Kết chuyển trị giá vật tư tồn cuối kỳ

+ Kết chuyển trị giá vật tư xuất trong kỳ

Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6111 "Mua nguyên vật liệu"

+ TK 6112 "Mua hàng hoá"

Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu": Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế

Tài khoản 151 "Hàng mua đi đường": Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

Kết cấu của 2 TK này:

- Bên Nợ:

+ Giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường đầu kỳ

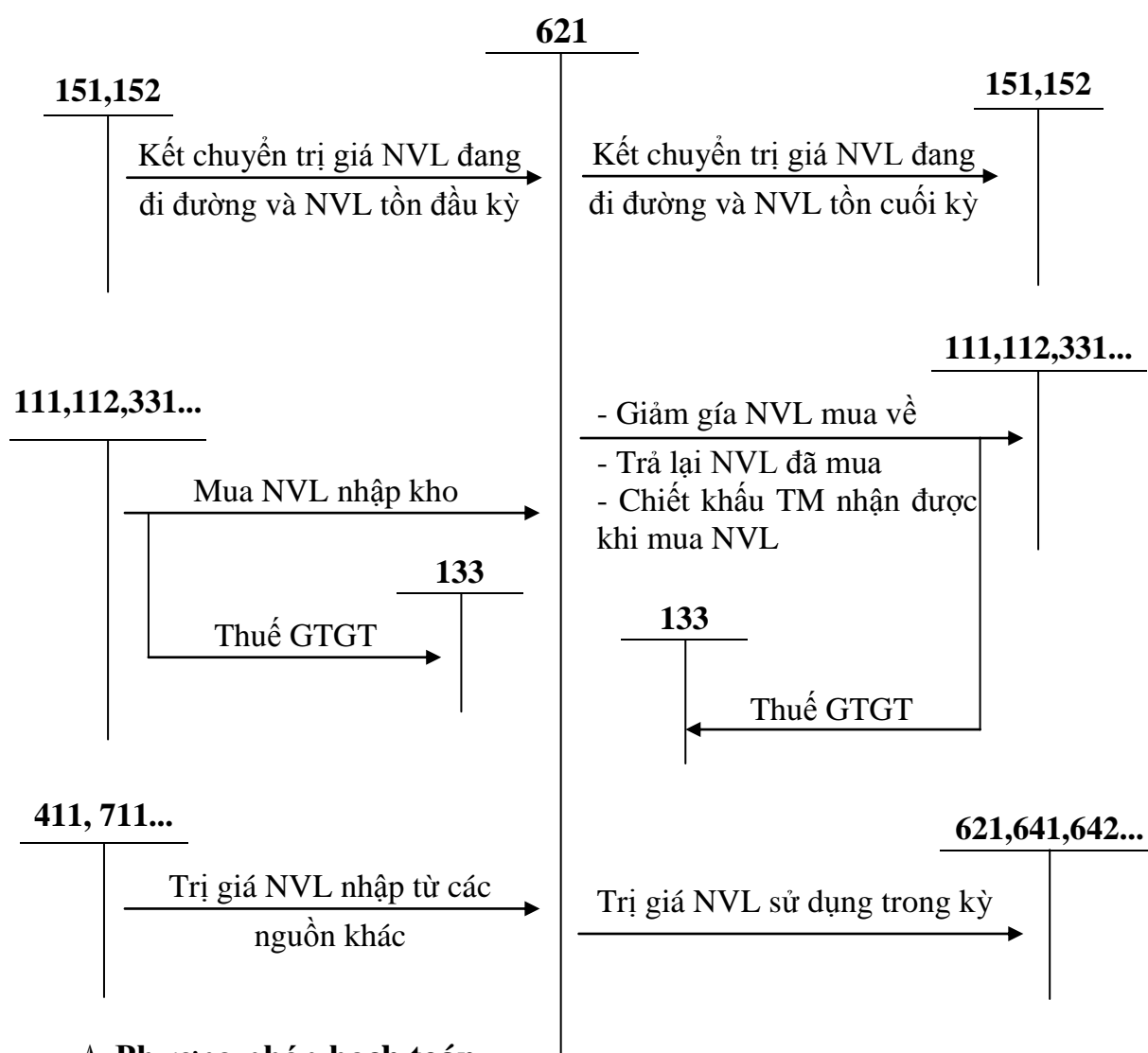
+ Giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường cuối kỳ

- Bên Có:

+ Kết chuyển giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường đầu kỳ

Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



★ **Phương pháp hạch toán**

- Đầu kỳ, kết chuyển giá trị vật tư tồn đầu kỳ này, trị giá vật tư đi đường cuối kỳ trước:

Nợ TK 611

Có TK 152: Giá trị vật tư tồn đầu kỳ này

Có TK 151: Trị giá vật tư đi đường cuối kỳ trước

- Trong kỳ, phản ánh giá trị vật tư tăng:

Nợ TK 611

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331...

Có TK 411, 128, 222: Nhận góp vốn, nhận cấp vốn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 711

+ Nếu được chiết khấu thương mại, giảm giá:

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 133

Có TK 611

+ Nếu được hưởng chiết khấu thanh toán:

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 515

- Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê, xác định được giá trị tồn cuối kỳ và kết chuyển:

Nợ TK 151, 152

Có TK 611

+ Sau khi có đầy đủ các bút toán trên, kê toán tính ra được giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ và ghi:

Nợ TK 621, 627, 641, 642...Nợ TK 128, 222

Có TK 611

1.3. Tổ chức sổ kế toán:

Theo Quyết định 15/2006 ngày 20 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính thì các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

1.3.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

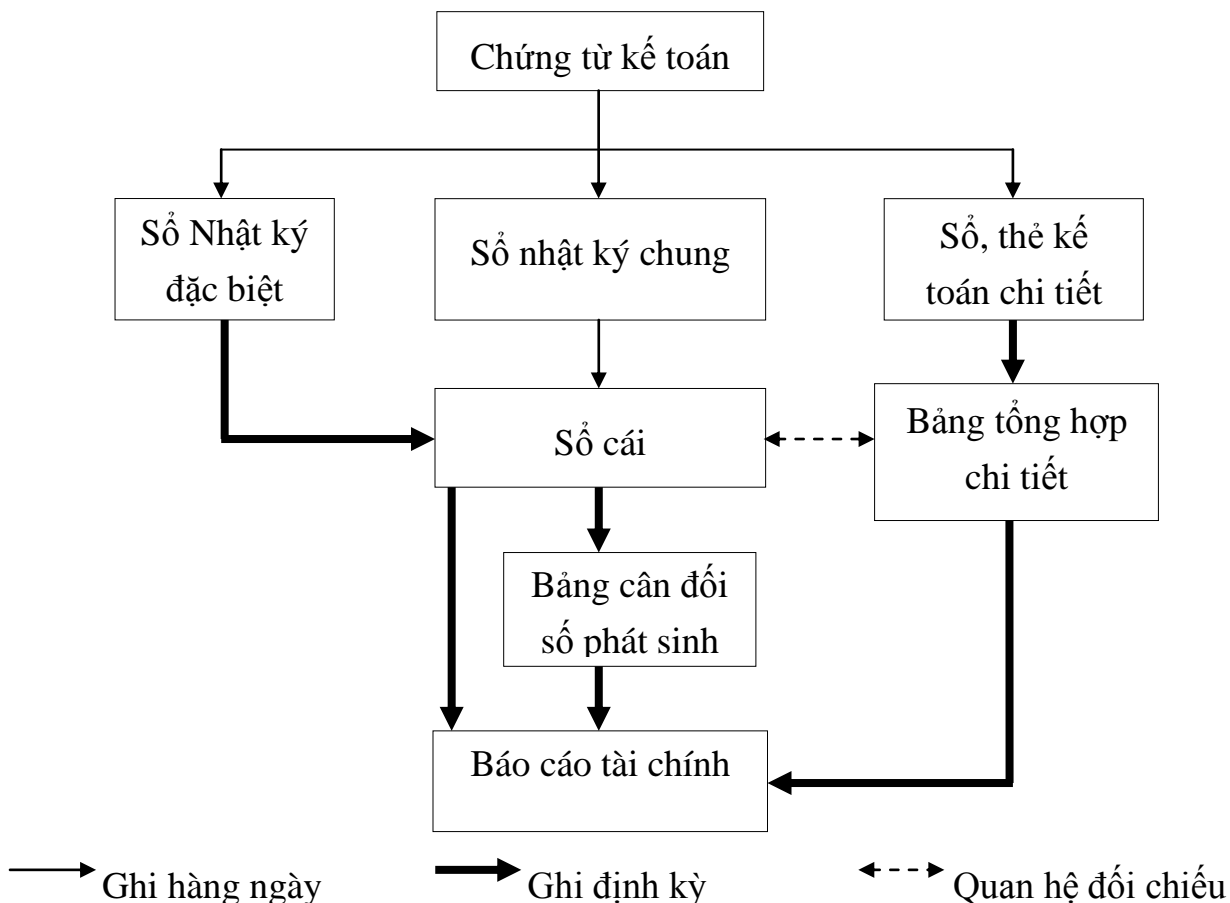
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:

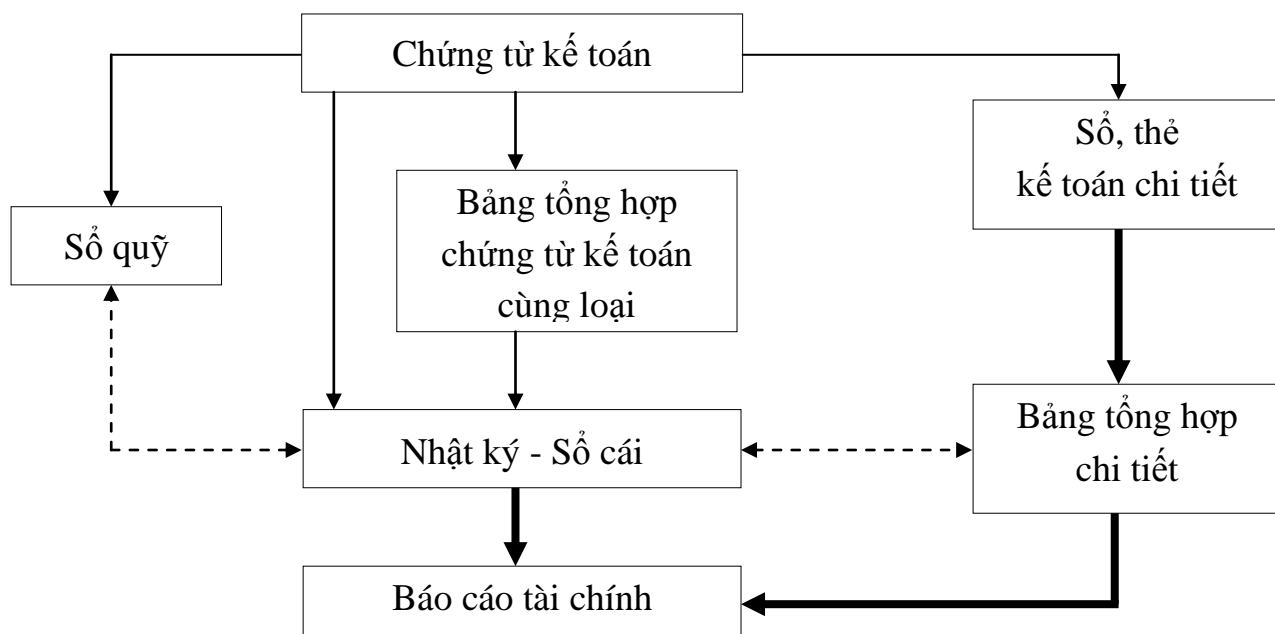
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



→ Ghi hàng ngày

→ Ghi định kỳ

← - - - → Quan hệ đối chiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

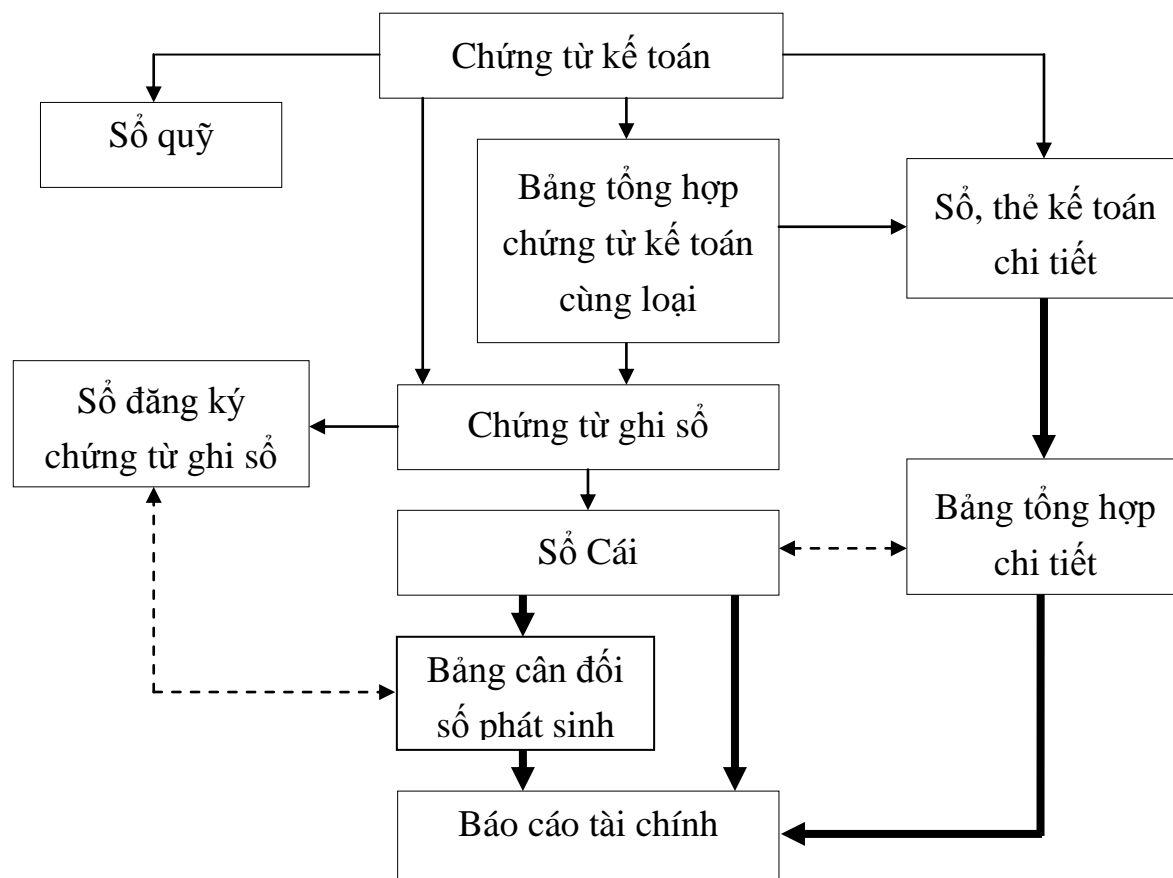
Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết...

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



→ Ghi hàng ngày

→ Ghi định kỳ

← - - - → Quan hệ đối chiếu

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (NKCT)

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

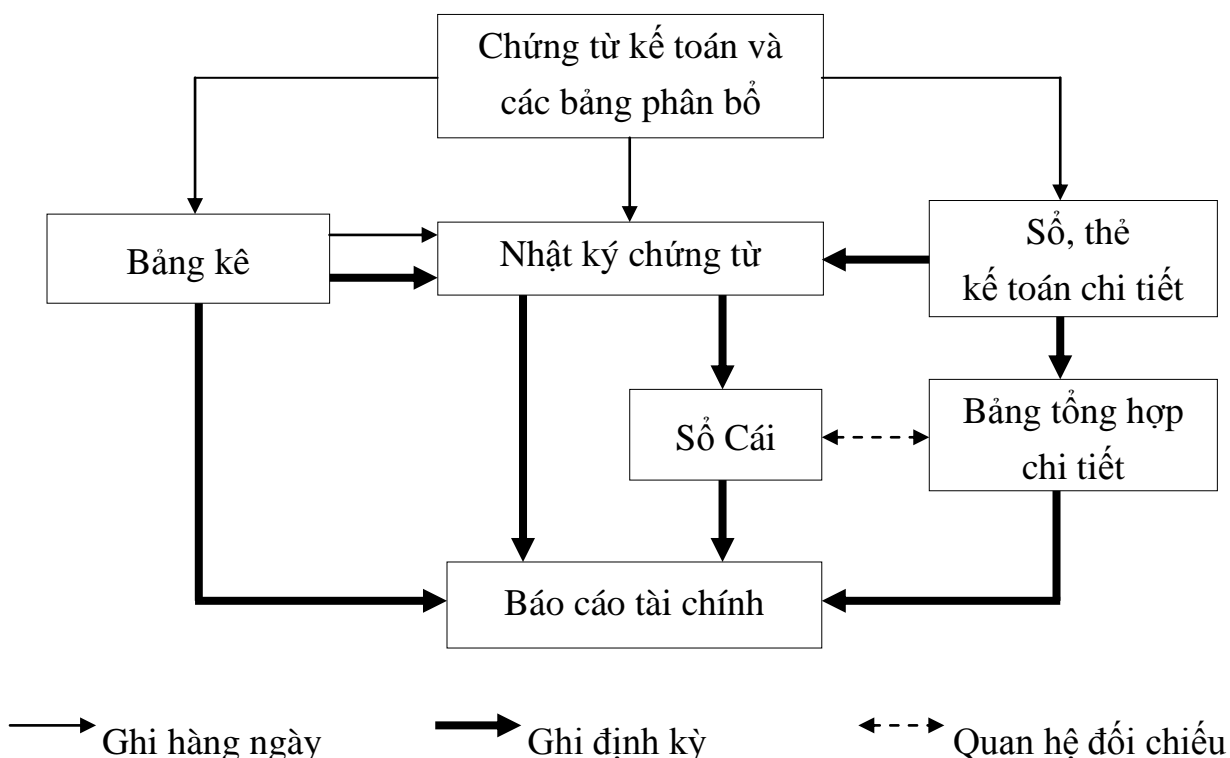
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

1.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng

tay.

1.3.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

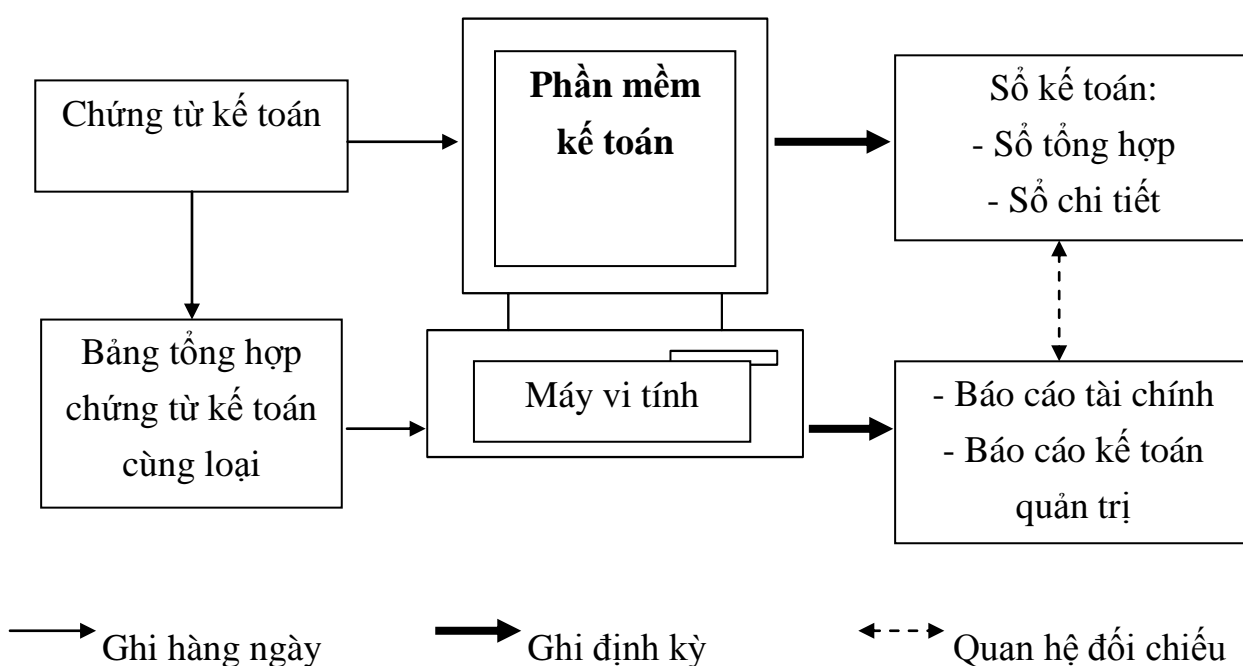
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PHẦN 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Hưng Đạo container và Chi nhánh của công ty tại Hải Phòng:

2.1.1. Công ty cổ phần Hưng Đạo Container:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Hưng đạo container

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 410300193 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10-12-2008.

Địa chỉ: 105/9B - Điện Biên Phủ - phường 17 - quận Bình Thạnh – thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3. 889. 1708

Fax: (08) 3. 889. 1708

Mã số thuế: 0301411035

Năm 2008, vốn điều lệ của công ty là 43.046.720.000 đồng (Bốn mươi ba tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, sửa chữa, mua bán và cho thuê container

Năm 1994, công ty TNHH Hưng Đạo Container được thành lập, hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực: sản xuất container văn phòng dành cho các công trình xây dựng, làm dịch vụ cho các hãng tàu như lắp ráp thiết bị treo, dán giấy, PTI container lạnh, dịch vụ cho thuê kho bãi, lưu giữ container, sửa chữa, mua bán container cũ, dịch vụ vận chuyển.

Năm 1997, công ty thành lập chi nhánh Hải Phòng.

Năm 1999, công ty thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Năm 2000, thực hiện chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ công ty TNHH Hưng Đạo container sang công ty cổ phần Hưng Đạo Container với vốn điều lệ đăng ký là 12,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, công ty đã thành lập bãi Depot Container tại Tân Vạn - Bình Dương có sức chứa 3.000 Teu, diện tích 60.000 m².

Năm 2002, công ty thành lập Depot container Hải Phòng có sức chứa 1.000 Teu, diện tích 17.000 m².

Năm 2003, công ty tăng vốn điều lệ lên 17,5 tỷ đồng.

Năm 2004, công ty tiến hành lắp đặt dây chuyền sản xuất container và trở thành nhà máy đầu tiên sản xuất container ISO tại Việt Nam, được Tổ chức đăng kiểm quốc tế Germanischer Lloyd (Đức) kiểm định và chứng nhận.

Năm 2006, công ty chuyển đổi văn phòng đại diện Hà Nội thành chi nhánh tại Hà Nội. Công ty là đại lý độc quyền dịch vụ Depot và mua bán container cho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Florens. Cũng trong năm 2006, công ty cũng thực hiện việc tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là năm đánh dấu sự phát triển lớn mạnh của thương hiệu Hưng Đạo Container bằng việc tham gia trưng bày container tại Triển lãm hàng hải Maritime 2006.

Năm 2007, công ty thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng, Quy Nhơn và đón nhận chứng chỉ tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2000.

Năm 2008, công ty thành lập chi nhánh Nha Trang và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ lên 43.046.720.000 đồng.

Ngày 11-11-2009: Cổ phiếu mã HDO của cty CP Hưng Đạo Container chính thức được giao dịch và trở thành cổ phiếu thứ 24 trên sàn UPCOM với giá giao dịch bình quân trong ngày đầu tiên là 14.500 đ/ cổ phiếu.

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, công ty Cổ phần Hưng Đạo Container đã từng bước khẳng định được thương hiệu container trên thị trường. Sự nỗ lực của công ty trong việc cung cấp các sản phẩm tốt nhất đến khách hàng đã được Tạp chí thông tin QCA Thương mại - Bộ Thương Mại bình chọn là “Doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng 2006”.

Năm 2008, công ty đã được Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam xác nhận “Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container - Nhà máy sản xuất Container đầu tiên tại Việt Nam”.

Năm 2009, công ty Cổ phần Hưng Đạo Container được mạng Doanh nghiệp Việt Nam đánh giá là “Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam 2009”

2.1.2. Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo Container tại Hải Phòng:

Tên giao dịch: Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng.

Địa chỉ: Lô 26 khu Hạ Đoạn 2 – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.376. 5575

Fax: 0313. 629. 474

Chi nhánh công ty Cổ Phần Hưng Đạo Container tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203010022 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 26 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 19 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Mã số thuế: 0301411035003

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng)

Tổng số nhân viên và người lao động đang làm việc tại chi nhánh là 66 người.

Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải phòng được thành lập năm 2001 có sức chứa 1.000 Teu, diện tích 17.000 m². Qua hơn 8 năm hoạt động

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

và phát triển, hiện nay chi nhánh đã mở rộng diện tích lên 30.000m² tương đương sức chứa 3.000 Teu.

Hoạt động kinh doanh của chi nhánh tại Hải Phòng bao gồm: Mua bán container và vật tư phụ tùng, sản xuất container khô và lạnh, cho thuê kho bãi, cho thuê container và các dịch vụ khác đi kèm.

2.1.3. Tổ chức sản xuất kinh doanh và đặc điểm sản phẩm của công ty:

2.1.3.1. Tổ chức sản xuất kinh doanh:

Đến năm 2009 công ty cổ phần Hưng Đạo container đã trải qua 15 năm phát triển. Là công ty đầu tiên tại Việt Nam đầu tư vào lĩnh vực sản xuất container và đã xây dựng hoàn chỉnh hai dây chuyền sản xuất container hiện đại với hệ thống thử tải container mẫu (Prototype Test) được Tổ chức Giám định và đăng kiểm Germanischer Lloyd kiểm định và chứng nhận để container của công ty sản xuất luôn đạt được chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và được phép lưu hành toàn cầu, đã tạo được tín nhiệm với khách hàng trong và ngoài nước.

2.1.3.2. Những sản phẩm chính:

Container Rỗng (Empty Container): Được sản xuất theo tiêu chuẩn Container Quốc Tế, đảm bảo cho khách hàng đóng, vận chuyển hàng hoá, phù hợp sử dụng tùy theo nhu cầu của khách hàng.

Container Văn Phòng (Office Container): Được thiết kế như một văn phòng tiện nghi, sang trọng, linh động trong khâu di chuyển phù hợp cho khách hàng sử dụng tại các công trường.

Container Lạnh (Reefer Container): Container lạnh ngoại nhập, đã kiểm tra PTI vận hành tốt. Máy Carrier, Thermoking, Mitsubishi, Daikin. Bảo hành tận nơi chu đáo, phù hợp cho khách hàng bảo quản hàng hoá thực phẩm trên đường và làm kho.

Container 20ft, 40ft GP, 40ft HC.

Mini Container 5ft, 6ft, 10ft, half heigh Container thường dùng làm kho chứa nhỏ, dùng vận chuyển cát cho giàn khoan...

Open side, open top, open hatch Container tiện dụng để đưa hàng vào từ các bên.

Bulk Container dùng cho hàng nông sản.

Các loại Container văn phòng 20ft, 40ft loại có máy lạnh, có toilet và không toilet.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động:

2.1.4.1 Những thuận lợi:

Vốn là một công ty có uy tín trên thị trường và trên thế giới nên công ty cổ phần Hưng Đạo container đã có một nền tảng nhất định trong quá trình phát triển. Trong suốt những năm qua công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, phát triển công ty và xây dựng uy tín trên thị trường.

Công ty Hưng Đạo nói chung và Chi nhánh công ty tại Hải Phòng nói riêng đạt được kết quả như ngày hôm nay yếu phần lớn là do đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm, sáng tạo và có năng lực trong kinh doanh, có trình quản lý giỏi, tận tâm và sự đầu tư đúng hướng từng bước. Sự chuyên nghiệp về sản phẩm dịch vụ do Hưng Đạo cung cấp theo tiêu chuẩn quốc tế và giá Việt Nam.

Không những vậy, mặt bằng sản xuất rộng, máy móc thiết bị hiện đại giúp cho công ty luôn giữ ổn định sản xuất, kinh doanh và làm nên những sản phẩm có chất lượng cao.

2.1.4.2. Những khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi thì doanh nghiệp cũng gặp phải một số khó khăn:

- Do cuộc khủng hoảng của nền kinh tế trên toàn cầu trong những năm gần đây làm cho rất nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn trong đó có công ty Hưng Đạo Container.

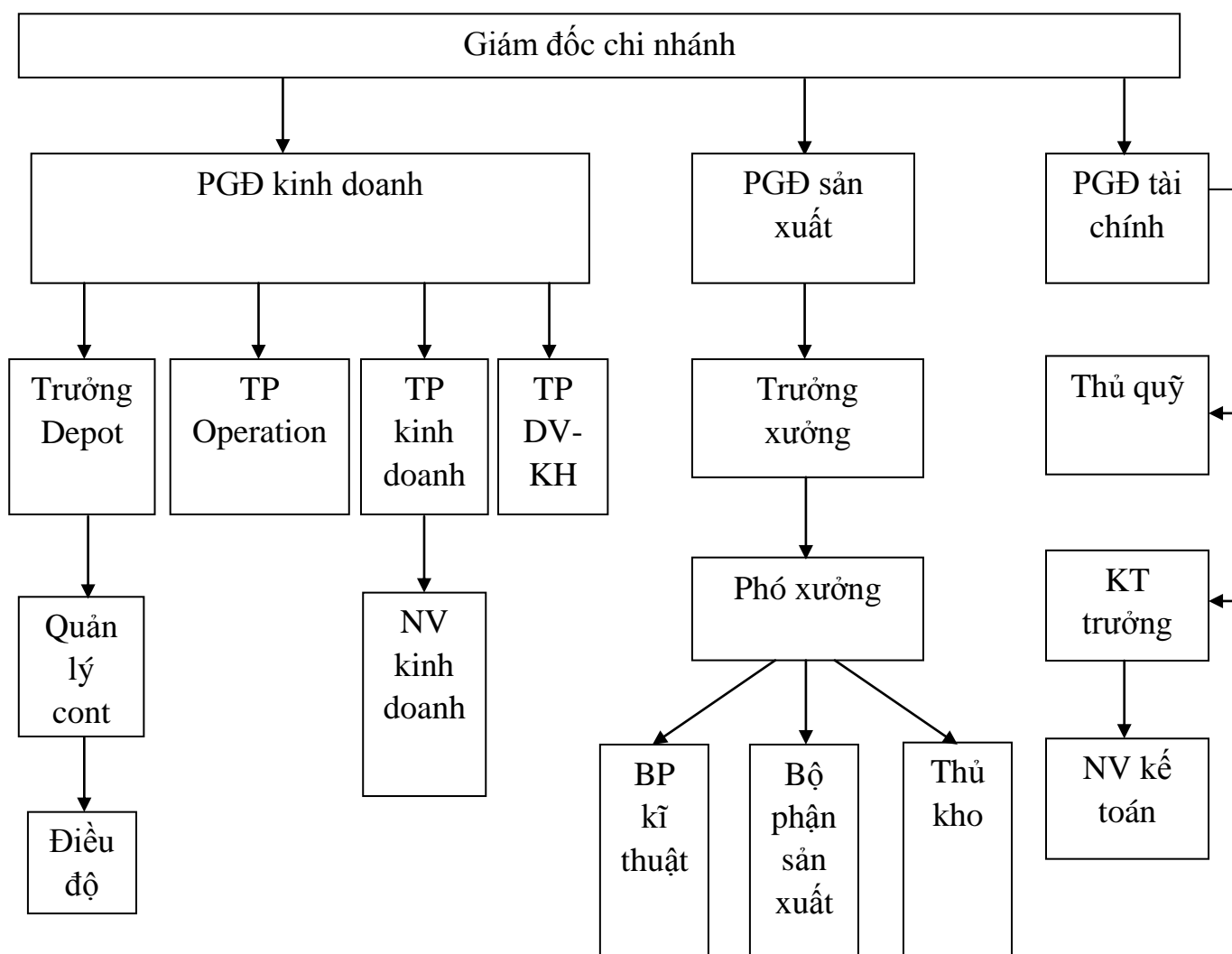
- Công ty đang trong thời kỳ mở rộng sản xuất kinh doanh vì vậy nhu cầu về vốn rất lớn nhưng việc huy động vốn không dễ dàng. Đây chính là yếu tố bất lợi đối với công ty.

- Khi nước ta mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp trong nước nói chung Công ty Hưng Đạo nói riêng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn.

2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh công ty tại Hải Phòng:

Công ty container Hưng Đạo thuộc loại hình công ty cổ phần, gồm một công ty mẹ có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và năm chi nhánh trên cả nước: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang và Quy Nhơn. Công ty định hướng, chỉ đạo hoạt động cho các chi nhánh. Định kỳ, các Chi nhánh báo cáo tình hình hoạt động lên công ty. Đồng thời, bộ phận kiểm tra của công ty cũng trực tiếp kiểm tra, đánh giá hoạt động của các Chi nhánh, kịp thời chấn chỉnh những sai sót để hoạt động của toàn công ty luôn thống nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

Bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Tại Chi nhánh có sáu phòng ban chức năng, trong đó giám đốc Chi nhánh là lãnh đạo cao nhất tại Chi nhánh. Quan hệ giữa các phòng ban được mô tả trong **Sơ đồ 2.1**



- Ban giám đốc: gồm 1 giám đốc chi nhánh và 3 phó giám đốc phụ trách về tài chính, sản xuất và kinh doanh.

Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của chi nhánh, có quyền cao nhất, quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước công ty cũng như trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh.

Phó giám đốc tài chính: Chịu trách nhiệm quản lý tình hình tài chính của chi nhánh.

Phó giám đốc kinh doanh: Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh của chi nhánh như: đề ra chiến lược, chính sách bán hàng, tiêu thụ sản phẩm.

Phó giám đốc sản xuất: Chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức các hoạt động sản xuất của chi nhánh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phòng kinh doanh: Phụ trách tìm hiểu thị trường, tìm kiếm khách hàng, ký kết hợp đồng cho Chi nhánh. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh cũng có chức năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, cung ứng vật tư, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

- Phòng dịch vụ - khách hàng: Thực hiện bảo hành, sửa chữa sản phẩm, tư vấn cho khách hàng.

- Phòng operation: Chịu trách nhiệm báo giá các loại container và các dịch vụ của chi nhánh.

- Phòng kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế - tài chính cần thiết cho giám đốc Chi nhánh, thực hiện hạch toán theo quy định của Nhà nước và điều lệ công ty, lập báo cáo tài chính định kỳ.

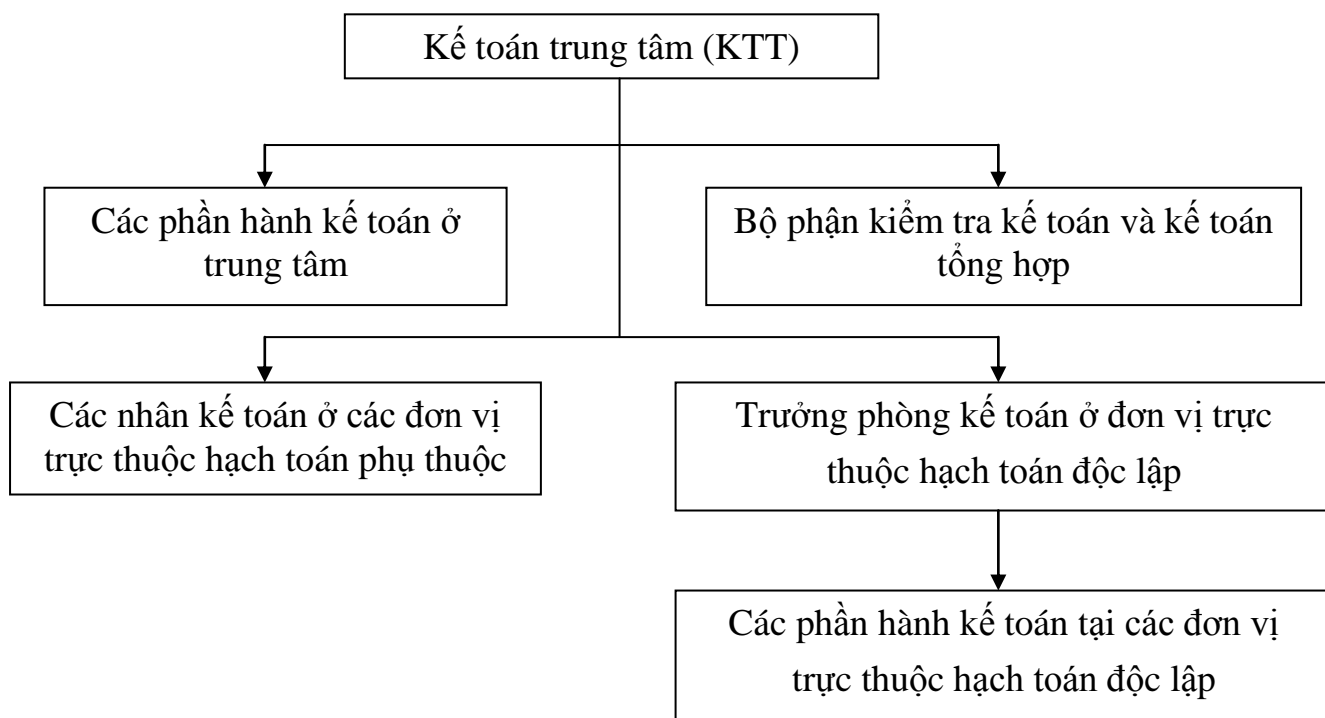
- Depot: Chịu trách nhiệm về việc lưu kho, lưu bãi container, kiểm soát việc nhập hay xuất container.

2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Hưng Đạo container được tổ chức theo mô hình kết hợp giữa hình thức phân tán và hình thức tập trung được minh họa trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Hưng Đạo container

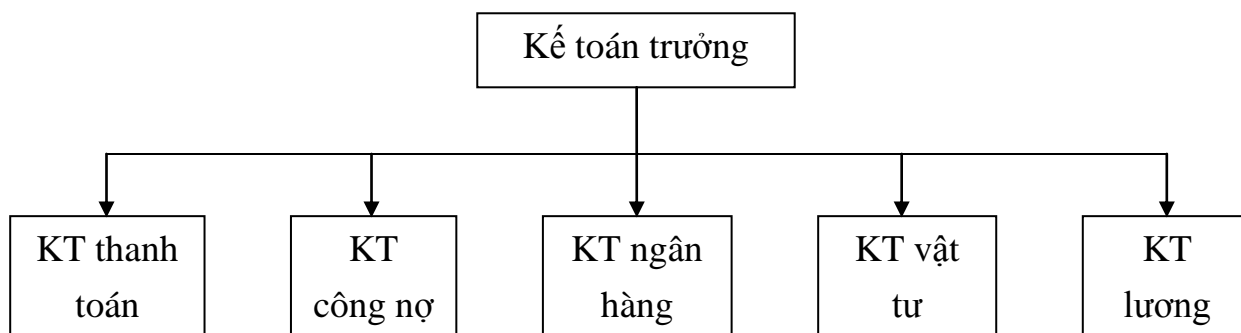


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại các chi nhánh ở Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn mọi số liệu kế toán đều được gửi về trụ sở chính của công ty tại thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện ghi sổ sách và lập báo cáo kế toán. Tuy nhiên, tại chi nhánh Hải Phòng công tác kế toán được thực hiện một cách độc lập với công ty. Những thông tin thu nhận được của các chi nhánh sẽ là cơ sở để bộ phận tổng hợp của công ty lập các báo cáo tài chính của toàn công ty.

Bộ máy kế toán tại Chi nhánh Hải Phòng được tổ chức theo hình thức tập trung. Theo hình thức này, chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong phòng được quy định rõ ràng, từ đó nâng cao được trách nhiệm và hiệu quả làm việc. Hình thức này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như của ban lãnh đạo Chi nhánh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động kế toán nói riêng. Bộ máy kế toán tại chi nhánh Hải Phòng được mô tả trong sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại chi nhánh Hải Phòng



Trong sơ đồ trên các nhân viên kế toán phụ trách các phần hành kế toán có vai trò cụ thể:

- Kế toán trưởng phụ trách chung bộ phận kế toán, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu quản lý; có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán tài chính trong đơn vị; xem xét, kiểm soát, đối chiếu các chứng từ kế toán của các phần hành kế toán. Định kỳ, kế toán trưởng tổng hợp các số liệu kế toán để lập báo cáo kế toán.

- Kế toán công nợ: Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ phải thu đối với khách hàng và phải trả đối với các nhà cung cấp. Lập kế hoạch trả nợ cũng như thu hồi nợ trình lên kế toán trưởng và ban giám đốc khi có các khoản nợ đến hạn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kế toán thanh toán: Có nhiệm vụ theo dõi, ghi chép các khoản thu chi bằng tiền mặt.

- Kế toán ngân hàng: Phụ trách theo dõi các khoản tài chính liên quan đến ngân hàng như theo dõi các khoản vay ngắn hạn, dài hạn, kiểm tra các khoản lãi vay phải trả để hạch toán chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.

- Kế toán vật tư: Thực hiện việc theo dõi về mặt sổ sách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa có trong doanh nghiệp, xác định trị giá vốn thực tế của hàng nhập kho và xuất kho. Đến cuối kỳ, kế toán nguyên vật tư thực hiện công tác tính giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ. Bên cạnh đó, kế toán vật tư phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu sổ sách với thủ kho để đảm bảo không có sự nhầm lẫn, sai sót trong quá trình theo dõi.

- Kế toán lương: Có nhiệm vụ tính lương cho cán bộ công nhân viên ở Chi nhánh. Đồng thời tính, trích và phản ánh các khoản trích theo lương như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân, kinh phí công đoàn

2.1.6.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Công tác kế toán tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng được tổ chức theo đúng quy định của Nhà nước. Cụ thể là:

- Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Công ty hạch toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Trị giá xuất kho hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định là phương pháp đường thẳng.

★ Tổ chức hệ thống chứng từ:

Chi nhánh tại Hải Phòng tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định 15 ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

★ Tổ chức hệ thống tài khoản:

Chi nhánh tại Hải Phòng tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 15 ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Bao gồm các tài khoản phản ánh tài sản, các tài khoản phản ánh nguồn vốn, các tài khoản phản ánh doanh thu, các tài khoản phản ánh chi phí và tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

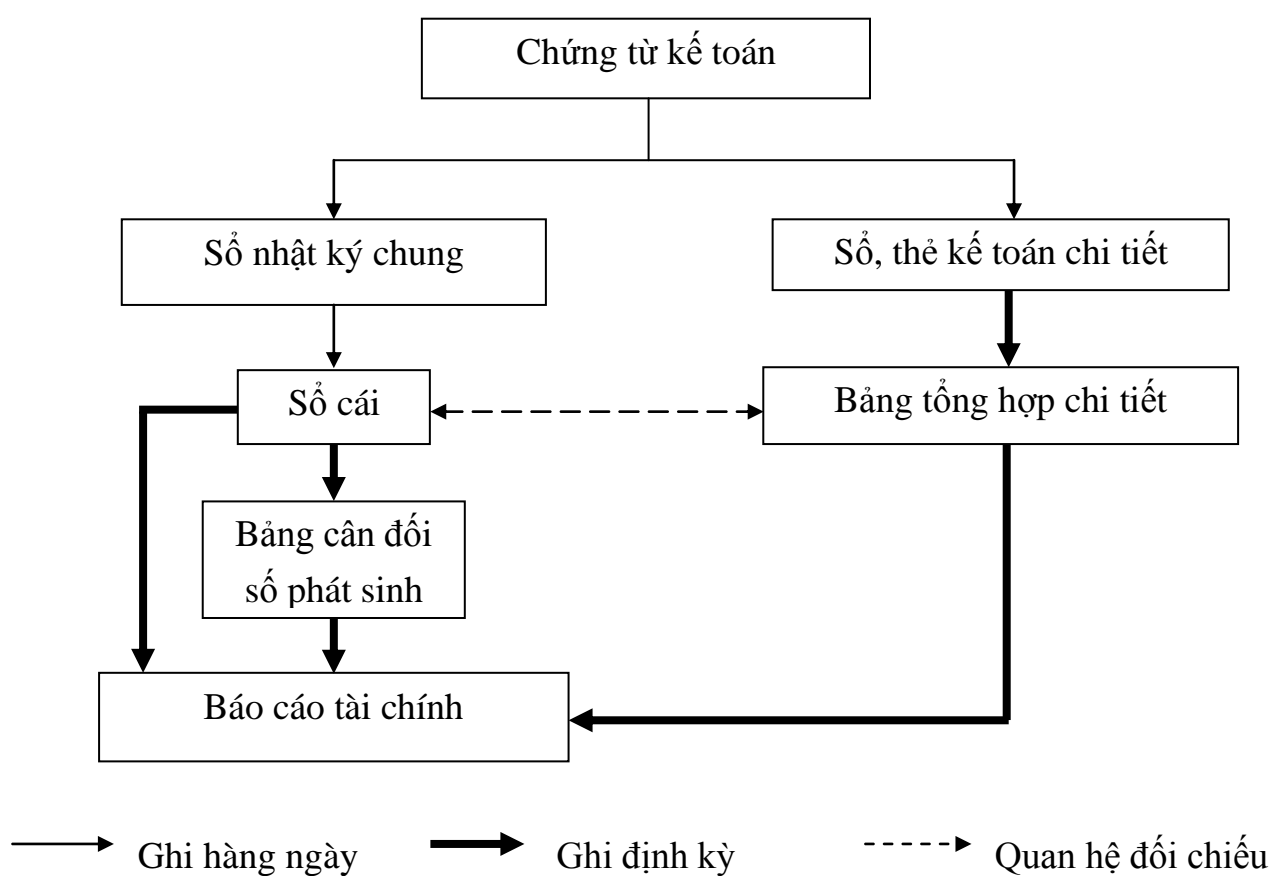
★ Tổ chức hệ thống sổ sách:

Tại Chi nhánh áp dụng ghi sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung, gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Cái các tài khoản,
- Sổ- thẻ kế toán chi tiết,
- Bảng tổng hợp chi tiết (các bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ như : Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán, sổ chi tiết hàng hoá, sổ quỹ,...).

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 2.4)

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Chi nhánh



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ ban đầu (phiếu xuất kho, hoá đơn Giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu chi...) đã được kiểm tra để làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ trên số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản liên quan. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan (sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán, sổ chi tiết hàng hoá, thẻ kho...)

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, kế toán tính tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản đơn vị sử dụng trên Sổ Cái, Sổ chi tiết. Căn cứ vào Sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái các tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản tương ứng. Các sổ cái được dùng để lập báo cáo tài chính.

★ Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Báo cáo tài chính tại Chi nhánh công ty áp dụng theo quyết định 15 ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Bảng cân đối kế toán : Mẫu B01 - DN
- Báo cáo kết quả kinh doanh : Mẫu B02 - DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ : Mẫu B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu B09 - DN
- Bảng cân đối tài khoản
- Tờ khai thuế GTGT, quyết toán thuế GTGT, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN
- Các biểu và báo cáo thống kê khác

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu:

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là sản xuất và sửa chữa các loại container nên nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất rất đa dạng và nhiều chủng loại. Bởi vậy, Chi nhánh công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu để dễ dàng trong khâu quản lý và hạch toán. Cụ thể, nguyên vật liệu tại Chi nhánh bao gồm:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nguyên vật liệu chính: Là nguyên vật liệu sau quá trình sản xuất sẽ cấu thành hình thái của những chiếc container như: Các loại tôn, thép; Nhựa ốp trần; Sơn các loại; Cánh cửa nhựa; Gỗ ván sàn...

- Nguyên vật liệu phụ: Là nguyên vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện nâng cao tính năng của sản phẩm như: các loại keo dán; ốc vít; vòi nước; dây hàn...

2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu:

2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:

★ Nhà cung cấp:

Chi nhánh mua nguyên vật liệu từ hai nguồn là mua ngoài của các nhà cung cấp tại Hải Phòng và mua của công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Nguyên vật liệu mua tại thị trường Hải Phòng:

Đối với những loại vật liệu thông thường như vật liệu mộc, vật liệu điện... Chi nhánh tiến hành thu mua ngay tại thị trường Hải Phòng để hạ thấp chi phí thu mua cũng như rút ngắn thời gian vận chuyển đảm bảo cho hoạt động sản xuất vận hành liên tục. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Chi nhánh:

- Doanh nghiệp tư nhân Hoan Thơ (Mã số thuế: 0200272000, địa chỉ: Số 123 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng) cung cấp vật liệu điện.

- Công ty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam (Mã số thuế: 0200904242, địa chỉ: Khu Phú Xá- phường Đông Hải 1- quận Hải An- Hải Phòng) cung cấp vật liệu mộc, gỗ ván sàn.

- Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Quang An (Mã số thuế: 0200904845, địa chỉ: Số 5/127 Đà Nẵng – Ngô quyền – Hải Phòng) cung cấp cửa nhôm kính, cửa thủy lực, vật tư cơ khí.

- Công ty cổ phần sơn Châu Á Thái Bình Dương (Mã số thuế: 0200854023, địa chỉ: Số 57 Sở Dầu - phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) cung cấp các loại sơn...

✓ Nguyên vật liệu mua tại công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh:

Đối với những vật liệu có tính chất đặc biệt, không sẵn có trên thị trường như Mạc PTI, Nồi trụ Robot... chi nhánh liên hệ với công ty tại thành phố Hồ Chí Minh để mua vật tư phục vụ sản xuất.

★ Tổ chức thu mua:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng, nguyên vật liệu luôn được dự trữ ở một mức nhất định, hợp lý nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục. Mặt khác, để tránh gây mất mát, giảm thiểu hư hại cho nguyên vật liệu, Chi nhánh đã xây dựng một nhà kho đủ tiêu chuẩn và bố trí nhân viên thủ kho có chuyên môn, kinh nghiệm, phẩm chất tốt để quản lý nguyên vật liệu tồn kho và thực hiện các nhiệm vụ nhập xuất kho về nguyên vật liệu. Nhân viên thủ kho không kiêm nhiệm các công việc khác có liên quan. Quy trình thu mua nguyên vật liệu được tiến hành theo đúng trình tự để đảm bảo nguyên vật liệu mua về đúng chủng loại và đảm bảo chất lượng.

Định kỳ vào đầu năm hoặc khi có nhu cầu mua vật tư, bộ phận thu mua thuộc phòng kinh doanh của Chi nhánh tìm kiếm các nhà cung cấp có uy tín, cung cấp những mặt hàng đúng chủng loại, có chất lượng tốt với giá cả hợp lý để ký hợp đồng mua nguyên vật liệu cho Chi nhánh. Những hợp đồng này gọi là “Hợp đồng nguyên tắc” - trong đó nêu lên chủng loại vật tư, số lượng, giá cả, phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng và quyền lợi cũng như trách nhiệm giữa các bên trong một khoảng thời gian nhất định (ví dụ trong một năm). Khi thực sự phát sinh hoạt động mua bán vật tư, Chi nhánh không phải tiến hành ký lại hợp đồng mua vật tư với các nhà cung cấp. Dưới đây là mẫu một hợp đồng nguyên tắc Chi nhánh đã ký với công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Quang An về mua các mặt hàng khung, cửa nhôm kính, cửa thủy lực, vật tư cơ khí.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 0709 HĐKT

- Căn cứ luật thương mại của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai đơn vị

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2009. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CN CÔNG TY CP HƯNG ĐẠO CONTAINER TẠI HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 26 – Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.629474

Fax: 0313.629474

Tài khoản VNĐ: 3003410.002 Tại Ngân Hàng Indovina – Chi Nhánh Hải Phòng

Mã số thuế: 0301411035003

Đại diện bởi: **Ông Phan Minh Phương** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM DV VẬN TẢI QUANG AN

Địa chỉ: Số 5/127 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.600589

Fax: 0313.629474

Tài khoản VNĐ: 3003410.002 165004293890001 Tại Ngân Hàng Thương Mại Đông Á tại Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200904845

Đại diện bởi: **Ông Vũ Mạnh An** Chức vụ: **Giám Đốc**

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - GIÁ CẢ - CHẤT LƯỢNG

Kể từ khi hợp đồng được ký kết, bên B sẽ bán cho bên A các mặt hàng khung, cửa nhôm kính, cửa thuỷ lực, vật tư cơ khí.

Số lượng: theo đặt hàng của bên A

Giá cả được hai bên thống nhất theo báo giá của bên B và được thể hiện trên hoá đơn bán hàng vào từng thời điểm mà báo giá còn hiệu lực.

ĐIỀU 2 : THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG – VẬN CHUYỂN

Thời gian giao hàng: Theo từng đợt bên A yêu cầu

Địa điểm giao hàng: Tại kho của bên A

Chi phí vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐIỀU 3 : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính của các đợt hàng.

Nếu bên A không thực hiện đúng theo phương thức thanh toán của hợp đồng thì số tiền mà bên A trả chậm cho bên B sẽ bị tính theo lãi suất ngân hàng từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực

ĐIỀU 4 : CAM KẾT CHUNG:

Hợp đồng sẽ thay đổi khi có đơn giá mới bằng các phụ lục bổ xung và được ký lại vào ngày 01 tháng 01 hàng năm.

Bên B có quyền ngừng cung cấp hàng nếu bên A không thanh toán đúng hạn hoặc không đủ.

Hai bên không đơn phương huỷ hợp đồng, mọi khó khăn trở ngại trong quá trình thực hiện hợp đồng được giải quyết thông qua thương lượng và thoả thuận bằng văn bản. Nếu không đi đến thống nhất thì đệ trình lên Hội Đồng Trọng Tài Kinh tế TP Hải Phòng, và phán quyết của Hội Đồng buộc hai bên cùng thực hiện.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 4 bản mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

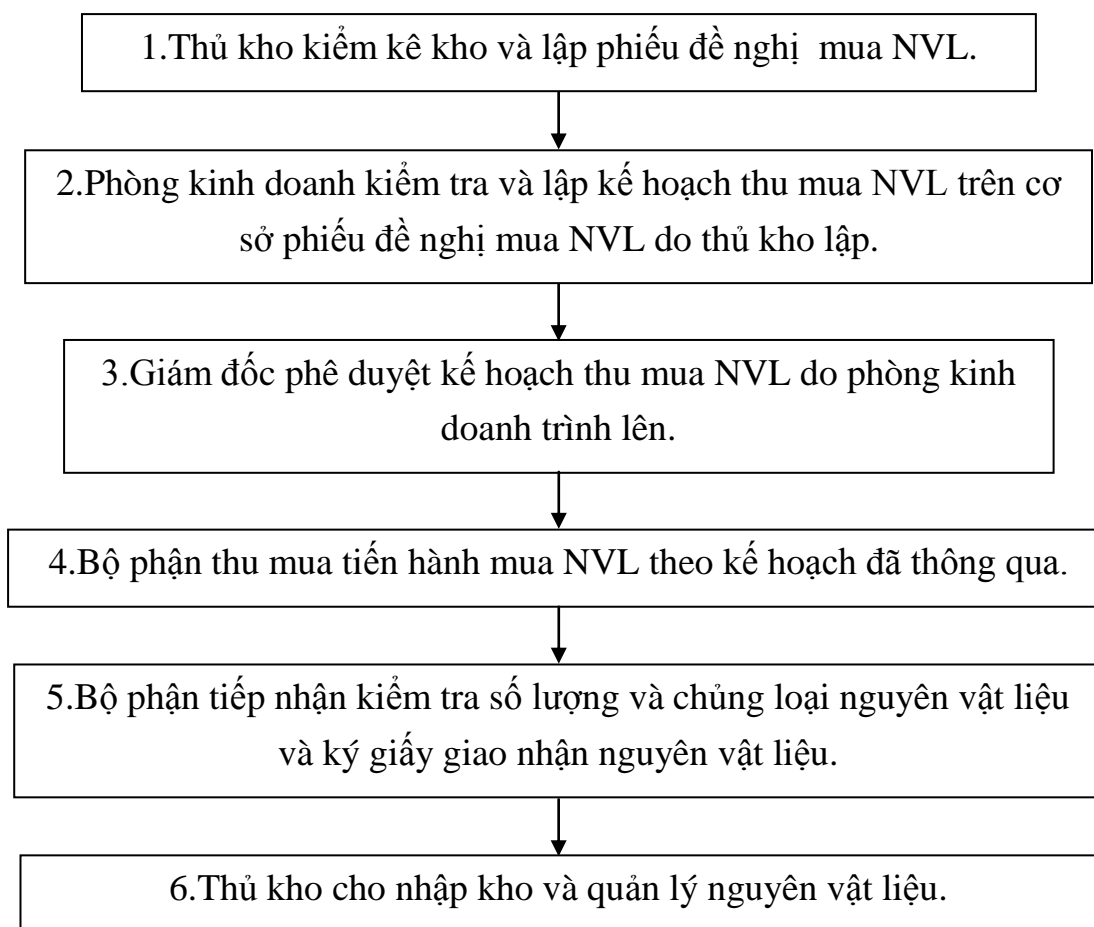
Riêng đối với nguyên vật liệu mua của công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh không tiến hành ký kết hợp đồng về mua nguyên vật liệu.

Căn cứ vào tình hình dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu, định kỳ cuối tháng nhân viên thủ kho tiến hành kiểm tra kho và lập phiếu đề nghị mua nguyên vật liệu, trong đó liệt kê danh sách những loại vật liệu cần mua để phục vụ cho việc sản xuất kỳ tới. Sau khi lập xong phiếu này, thủ kho nộp lên phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ cử nhân viên kiểm tra, xác minh và lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Kế hoạch mua nguyên vật liệu được trình lên giám đốc để phê duyệt. Từ kế hoạch thu mua được phê duyệt, phòng kinh doanh tiến hành liên hệ với các nhà cung cấp để mua nguyên vật liệu.

Khi nguyên vật liệu mua và vận chuyển về công ty, bộ phận tiếp nhận nguyên vật liệu của Chi nhánh thực hiện kiểm tra số lượng, chủng loại nguyên vật liệu và ký vào giấy giao nhận. Sau đó số nguyên vật liệu mua về được giao cho thủ kho nhập kho và quản lý. Có thể tóm tắt quy trình thu mua nguyên vật liệu của Chi nhánh theo sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.5: Quy trình thu mua NVL tại chi nhánh công ty Hưng Đạo Container



★ Chứng từ sử dụng để hạch toán nhập kho nguyên vật liệu bao gồm:

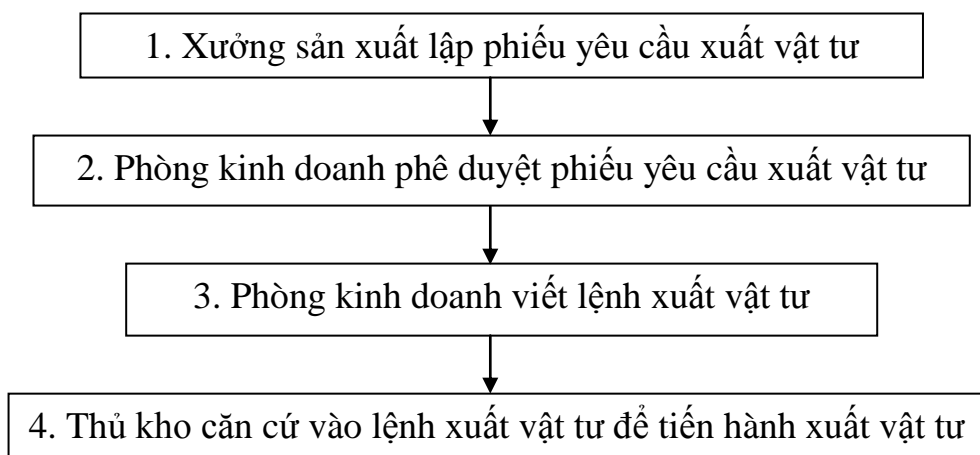
- Hóa đơn GTGT về mua nguyên vật liệu
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Biên bản giao nhận vật tư.
- Phiếu nhập kho 01 - VT ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi, ủy nhiệm chi...

2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:

Tại Chi nhánh, nguyên vật liệu xuất kho sử dụng để dựng mới và sửa chữa các loại container. Khi phân xưởng sản xuất tiến hành sản xuất hay sửa chữa container, để có vật tư phục vụ sản xuất, các tổ trưởng tổ sản xuất lập các phiếu yêu cầu xuất vật tư. Các phiếu này được chuyển lên phòng kinh doanh để phê duyệt. Khi phiếu yêu cầu xuất vật tư đã gửi lên được thông qua, phòng kinh doanh viết lệnh xuất vật tư rồi giao cho thủ kho để xuất vật tư.

Quy trình xuất kho vật tư phục vụ sản xuất được mô tả trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6: Quy trình xuất kho NVL tại chi nhánh công ty Hưng Đạo Container



★ Chứng từ sử dụng để hạch toán xuất nguyên vật liệu bao gồm:

- Yêu cầu xuất vật tư
- Lệnh xuất vật tư
- Phiếu xuất kho 02 - VT ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng được đánh giá, ghi nhận theo giá thực tế của từng loại nguyên vật liệu. Việc tính giá thực tế nhập, xuất kho cụ thể như sau:

2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:

★ Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định như công thức sau:

$$\text{Giá thực tế mua NVL nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{Chi phí thu mua} + \text{Các khoản thuế không được hoàn lại}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó:

- Chi phí thu mua bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng. Nếu chi phí này do bên bán hàng chịu thì chi phí này không được tính vào giá thực tế mua nguyên vật liệu nhập kho

- Các khoản thuế không được hoàn lại là thuế GTGT khi mua hàng của những đơn vị tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Do Chi nhánh tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế GTGT.

Ví dụ 1:

Ngày 03/12/2009, Chi nhánh mua 150 tấm gỗ ocal của công ty công ty cổ phần Hoàng Nam với đơn giá 100.000 đồng/tấm (chưa có VAT 10%). Công ty Hoàng Nam trả phí vận chuyển. Loại gỗ ocal này Chi nhánh sử dụng làm trần cho sản xuất container văn phòng. Như vậy, tổng trị giá nhập kho của vật liệu gỗ ocal trong lần nhập này là:

$$150 \times 100.000 = 15.000.000 \text{ đồng.}$$

★ **Đối với nguyên vật liệu mua của công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh:**

| | | |
|--|---|--------------------------|
| Giá thực tế của nguyên vật liệu mua về | = | Giá mua ghi trên hóa đơn |
|--|---|--------------------------|

Ví dụ 2:

Ngày 1-10-2009, Chi nhánh mua một lô nguyên vật liệu của công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh gồm 30 tấm thép 4 ly x 1,25m x 2,35 với đơn giá 1.075.482 đồng/tấm và 15 bộ cửa lùa vách ngăn 800 x 2000 với đơn giá 1.300.000 đồng/bộ. Số nguyên vật liệu này công ty Hưng Đạo tại thành phố Hồ Chí Minh gửi theo xe container của công ty để vận chuyển cho Chi nhánh.

Như vậy:

- Tổng trị giá nhập kho của thép tấm 4 ly x 1,25m x 2,35 trong ví dụ này là:
 $30 \times 1.075.482 = 32.264.460$ đồng.

- Tổng trị giá nhập kho của cửa lùa vách ngăn 800 x 2000 trong ví dụ này là:
 $15 \times 1.300.000 = 19.500.000$ đồng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:

Chi nhánh công ty Hưng Đạo tại Hải Phòng xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm. Để tính giá nguyên vật liệu xuất kho, Chi nhánh áp dụng tính giá theo phương pháp “Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ”. Theo phương pháp này, giá trị của từng loại nguyên vật liệu được tính theo giá trị trung bình của từng loại nguyên vật liệu dựa trên cơ sở số lượng, giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và số lượng, giá trị nguyên vật liệu nhập về trong kỳ.

Do phải tập hợp số lượng và trị giá của nguyên vật liệu mua về trong cả một kỳ sản xuất nên đến cuối kỳ kế toán mới xác định giá bình quân và tính trị giá hàng xuất kho của từng lần xuất trong kỳ. Phương pháp này có ưu điểm là tính toán đơn giản, tuy nhiên không phản ánh kịp thời giá xuất kho của các loại vật liệu. Cụ thể, trị giá xuất kho của từng loại nguyên vật liệu được xác định như sau:

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá NVL bình quân cả kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá NVL bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Ví dụ 3:

Trong tháng 12/2009 Chi nhánh xuất kho phào nhựa để dựng mới 1 container 2183237-20'VP. Trị giá xuất kho của phào nhựa để sản xuất loại container này được tính như sau:

- ✓ Trước hết kế toán tiến hành tính đơn giá xuất kho của phào nhựa tháng 12/2009
- Phào nhựa tồn đầu tháng 156,5 cây với đơn giá 16.000 đồng /cây (đây là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ của phào nhựa tồn cuối tháng 11 chuyển sang), do đó trị giá phào nhựa tồn đầu tháng là: $156,5 \times 16.000 = 2.504.000$ đồng
- Nhật ký nhập phào nhựa trong tháng 12/2009 như sau:
 - +) Ngày 03/12 mua 100 cây đơn giá 16.000 đồng /cây
 - +) Ngày 14/12 mua 160 cây đơn giá 16.500 đồng /cây
 - +) Ngày 23/12 mua 150 cây đơn giá 16.500 đồng /m²

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Như vậy tổng trị giá phào nhựa nhập trong tháng 12 là:

$$100 \times 16.000 + 160 \times 16.500 + 150 \times 16.500 = 6.715.000 \text{ đồng}$$

Tổng số lượng phào nhựa đã nhập trong tháng 12 là:

$$100 + 160 + 150 = 410 \text{ cây}$$

Đơn giá xuất kho của phào nhựa tháng 12/2009 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho của phào} \\ \text{nhựa 12/2009} \end{array} = \frac{2.504.000 + 6.715.000}{156,5 + 410} = 16.274 \text{ đồng / cây}$$

✓ Theo bảng định mức nguyên vật liệu, để sản xuất 01 container 2183237-20'VP cần 10,5 cây phào nhựa. Như vậy, trong tháng 12/2009, trị giá phào nhựa xuất kho để sản xuất container 2183237-20'VP là $16,274 \times 10,5 = 170.877$ đồng

Ví dụ 4:

Cũng trong tháng 12/2009 Chi nhánh xuất kho gỗ ván thông để dựng mới 1 container 2183237-20'VP. Trị giá xuất kho của gỗ ván thông để sản xuất loại container này được tính như sau:

✓ Trước hết kế toán tiến hành tính đơn giá xuất kho của gỗ ván thông tháng 12/2009

- Gỗ ván thông tồn đầu tháng 32 m² với đơn giá 60.000 đồng /m² (đây là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ của gỗ ván thông tồn cuối tháng 11 chuyển sang), do đó trị giá gỗ ván thông tồn đầu tháng là: $32 \times 60.000 = 1.920.000$ đồng

- Nhật ký nhập gỗ ván thông trong tháng 12/2009 như sau:

+) Ngày 04/12 mua 300 m² đơn giá 60.000 đồng/m²

+) Ngày 23/12 mua 150 m² đơn giá 62.000 đồng/m²

Như vậy tổng trị giá gỗ ván thông nhập trong tháng 12 là:

$$300 \times 60.000 + 150 \times 62.000 = 27.300.000 \text{ đồng}$$

Tổng số lượng gỗ ván thông đã nhập trong tháng 12 là:

$$300 + 150 = 450 \text{ m}^2$$

Đơn giá xuất kho của gỗ ván thông tháng 12/2009 là:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho của gỗ} \\ \text{ván thông 12/2009} \end{array} = \frac{1.920.000 + 27.300.000}{32 + 450} = 60.622 \text{ đồng / m}^2$$

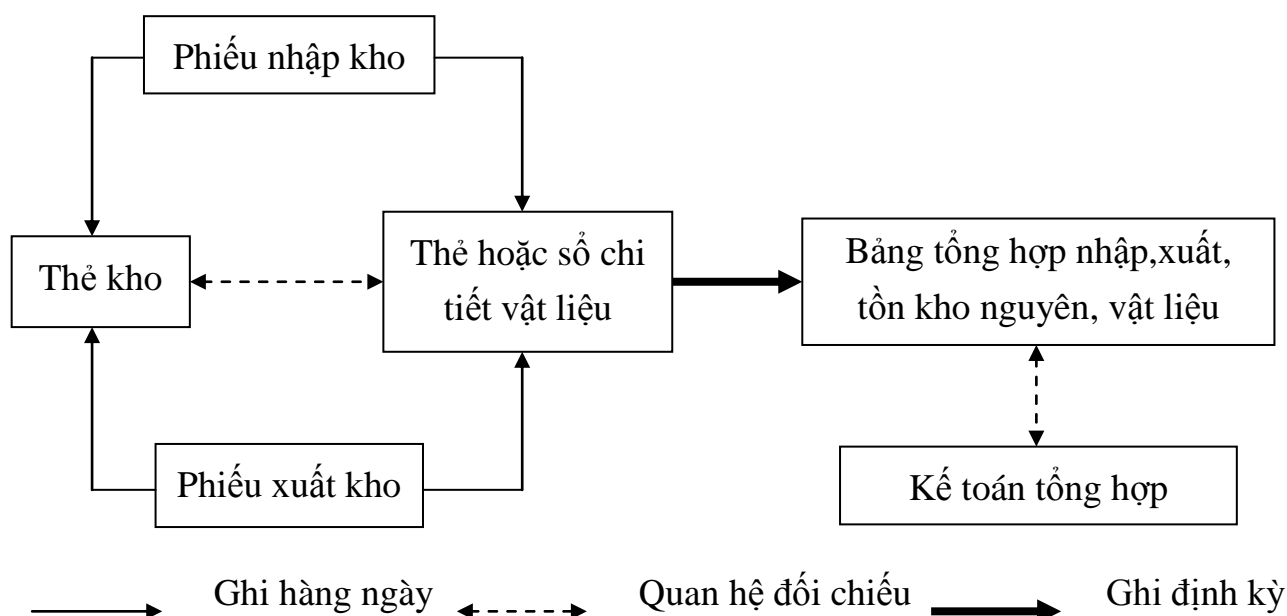
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Theo bảng định mức nguyên vật liệu, để sản xuất container 2183237-20'VP cần 6,5 m² gỗ ván thông. Như vậy, trong tháng 12/2009, trị giá gỗ ván thông xuất kho để sản xuất container 2183237-20'VP là $60.622 \times 6,5 = 394.043$ đồng

2.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Chi nhánh công ty chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Theo phương pháp này, để phản ánh tình hình biến động nguyên vật liệu ở kho, thủ kho phải mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng còn ở phòng kế toán, kế toán phải mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép về mặt số lượng và giá trị.

Sơ đồ 2.7: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng



★ **Tại kho:** Thủ kho dùng thẻ kho (Biểu 1) để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng, chủng loại. Mỗi phiếu nhập, phiếu xuất kho nguyên vật liệu được ghi một dòng vào thẻ kho, thẻ được mở cho từng loại nguyên, vật liệu. Cuối tháng, thủ kho tính ra lượng nguyên, vật liệu tồn kho theo từng loại nguyên vật liệu. Thủ kho thường xuyên phải đối chiếu số tồn kho ghi trên thẻ kho với số thực tế trong kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn luôn khớp nhau. Hằng ngày hoặc định kỳ 3 đến 5 ngày một lần, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập cho kế toán nguyên vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1: Mẫu thẻ kho

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

THẺ KHO

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:

Đơn vị tính:

Mã số:

| STT | NT | SHCT | | Diễn giải | Ngày N, X | Số lượng | | | Chữ ký của KT |
|-----|----|------|---|--------------------|--------------|----------|------|-----|---------------------|
| | | N | X | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | | <u>SĐĐK</u> | | | | ... | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | Cộng SPS | | ... | ... | | |
| | | | | <u>SDCK</u> | | | | ... | |

★ **Tại phòng kế toán:** Mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2) cho từng loại nguyên, vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, tuy nhiên thẻ này theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị. Hằng ngày hoặc định kỳ 3 đến 5 ngày kế toán nguyên vật liệu xuống kho nhận các chứng từ nhập, xuất kho từ thủ kho chuyển tới, kế toán kiểm tra rồi lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên, vật liệu có liên quan. Cuối tháng, kế toán nguyên vật liệu cộng sổ (thẻ) kế toán chi tiết và đối chiếu với thẻ kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2: Mẫu sổ chi tiết 152 năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm: 2009

Tài khoản: ...

Tên, quy cách VL, DC, SP, HH:...

Tiêu khoản:...

Mã số VL, DC, SP, HH: ...

Tên kho: ...

Đơn vị tính: ...

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|----|--------------------|------------------|------------|------|----|------|----|-----|-----|
| SH | NT | | | | SL | TT | SL | TT | SL | TT |
| | | <u>SDDK</u> | | | | | | | ... | ... |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | Cộng SPS | | | | | | | | |
| | | <u>SDCK</u> | | | | | | | ... | ... |

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 5) về mặt giá trị từng loại nguyên, vật liệu. Số liệu bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3: Mẫu bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: ...

Tháng ... năm ...

| STT | Tên, quy cách VL, DC, SP, HH | Số tiền | | | |
|-----|---------------------------------|---------|------------------|------------------|--------|
| | | Tồn ĐK | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn CK |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | Cộng | | | | |

2.2.5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu:

Chi nhánh sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu. Theo phương pháp này, kế toán phải tiến hành ghi chép đầy đủ, thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên các tài khoản kế toán sử dụng.

Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư căn cứ vào các phiếu xuất kho nguyên vật liệu và được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

★ **Chứng từ kế toán về nguyên vật liệu:**

- Hóa đơn về mua vật tư
- Phiếu nhập kho – Mẫu số 01VT
- Phiếu xuất kho – Mẫu số 02VT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phiếu yêu cầu xuất vật tư
- Lệnh xuất vật tư
- Các giấy tờ khác có liên quan

★ Quy trình luân chuyển chứng từ:

Phiếu nhập kho:

Biểu 4 : Mẫu phiếu nhập kho

| CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP | | | | Mẫu số 01-VT QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC | | | |
|--|--|------------------------|-------------|--|-----------|-----------------------|------------|
| PHIẾU NHẬP KHO | | | | SỐ: ... | | | |
| Ngày ... tháng ... năm ... | | | | NỢ: ... | | | |
| | | | | CÓ: ... | | | |
| Họ tên người giao hàng: | | | | | | | |
| Theo số ngày của | | | | | | | |
| Nhập tại kho:..... | | | | | | | |
| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: | | | | | | | |
| Nhập, ngày tháng năm | | | | | | | |
| Người lập | | Người giao hàng | | Thủ kho | | Kế toán trưởng | |

Căn cứ để ghi chép vào phiếu nhập kho là hóa đơn giá trị gia tăng về mua nguyên vật liệu. Phiếu nhập kho do thủ kho lập. Thủ kho ghi các thông tin về ngày tháng nhập kho, số phiếu nhập, người giao hàng, tên vật tư, số lượng theo chứng từ, số lượng thực nhập rồi cho người giao hàng ký tên. Thủ kho ký tên, sau đó

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chuyển cho người giao hàng 1 liên, 1 liên giao cho kế toán vật tư để lập bộ chứng từ. Trên liên phiếu nhập giao cho kế toán vật tư, kế toán vật tư phải ghi đơn giá nhập, thành tiền và cộng các chỉ tiêu và ghi kết quả vào dòng cộng.

Phiếu xuất kho:

Biểu 5: Phiếu xuất kho

| CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP | | | | Mẫu số 02-VT QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC | | | |
|--|--|------------------------|-------------|---|-----------|-----------------------|------------|
| PHIẾU XUẤT KHO | | | | NỢ: ... | | | |
| Ngày tháng năm | | | | CÓ: ... | | | |
| | | | | SỐ: ... | | | |
| Họ tên người nhận hàng: | | | | | | | |
| Lý do xuất kho: | | | | | | | |
| Xuất tại kho:.....Địa điểm:..... | | | | | | | |
| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: | | | | | | | |
| Số chứng từ kèm theo:..... | | | | | | | |
| Ngày ... tháng ... năm ... | | | | | | | |
| Người lập | | Người nhận hàng | | Thủ kho | | Kế toán trưởng | |

Căn cứ để ghi chép vào phiếu xuất kho là lệnh xuất vật tư và bảng định mức vật tư phục vụ sản xuất các loại container. Phiếu xuất kho cũng do thủ kho lập. Thủ kho ghi các thông tin về ngày tháng xuất kho, số phiếu xuất, người nhận vật tư, tên vật tư, số lượng theo yêu cầu, số lượng thực xuất rồi cho người nhận ký tên. Thủ kho ký tên, sau đó giao cho người nhận vật tư 1 liên, 1 liên chuyển cho kế toán vật tư để lập bộ chứng từ. Kế toán vật tư cuối tháng phải tự tính và ghi đơn giá xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kho của từng loại vật tư, thành tiền và điền vào dòng cộng trên liên phiếu xuất được giao.

2.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng:

★ Tài khoản 152 - Nguyên vật liệu. Tài khoản này có kết cấu như sau:

- Bên Nợ:

+ Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

- Bên Có:

+ Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất

+ Trị giá NVL được giảm giá, CKTM hoặc trả lại người bán.

+ Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

- Dư Nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho

Tại chi nhánh, tài khoản 152 không được mở chi tiết theo từng loại NVL.

★ Các tài khoản khác có liên quan như:

- Tài khoản 111 – Tiền mặt

- Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

- Tài khoản 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

- Tài khoản 331 – Phải trả người bán

- Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp...

2.2.5.3. Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 152

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hóa

- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hóa

- Các sổ sách khác có liên quan

- Ngoài ra thủ kho có trách nhiệm lập và quản lý thẻ kho.

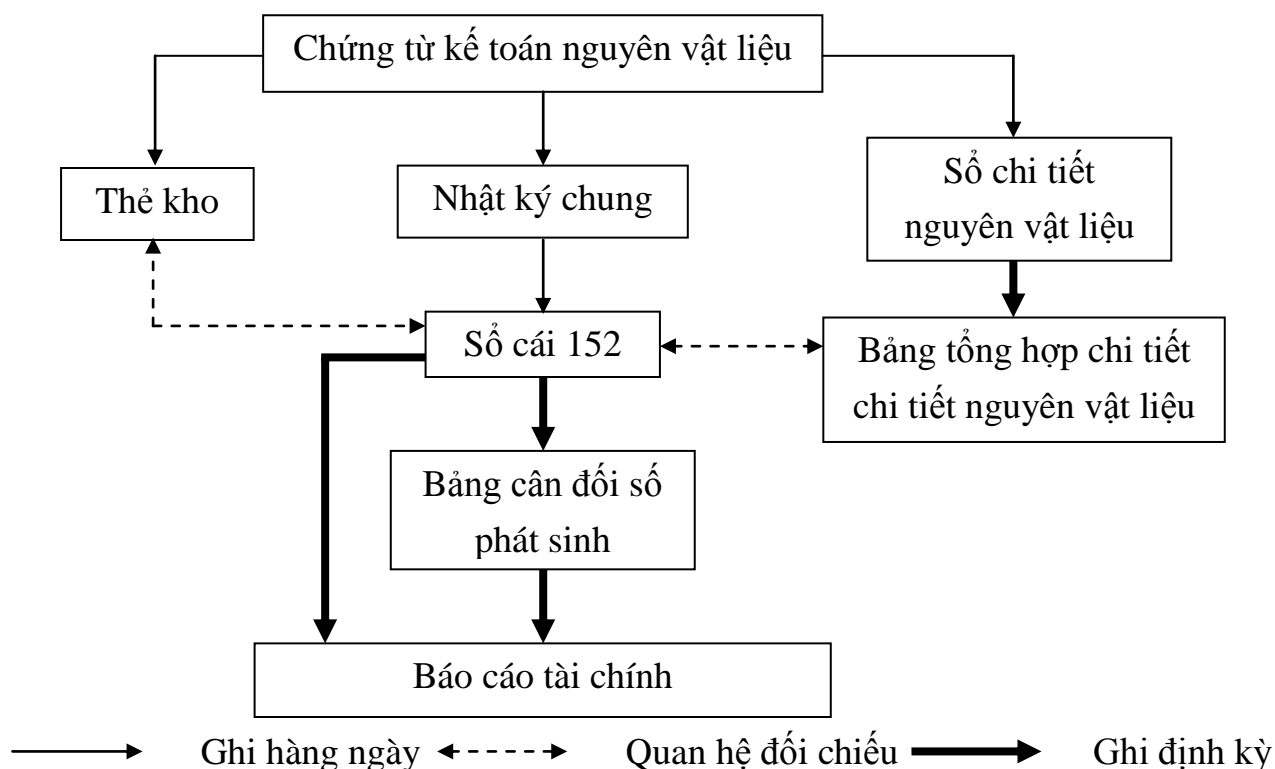
★ Trình tự ghi sổ sách kế toán về nguyên vật liệu tại Chi nhánh:

Từ các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản 152. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu cũng được ghi chép vào các sổ chi tiết nguyên vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, kế toán tính tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của tài khoản 152 trên sổ Cái, sổ Chi tiết. Căn cứ vào các sổ Chi tiết nguyên vật liệu kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, căn cứ vào số dư đầu kỳ, số phát sinh và số dư cuối kỳ ở sổ Cái tài khoản 152 để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái tài khoản 152 với bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 152 thì số liệu trên sổ cái tài khoản 152 được dùng để lập báo cáo tài chính.

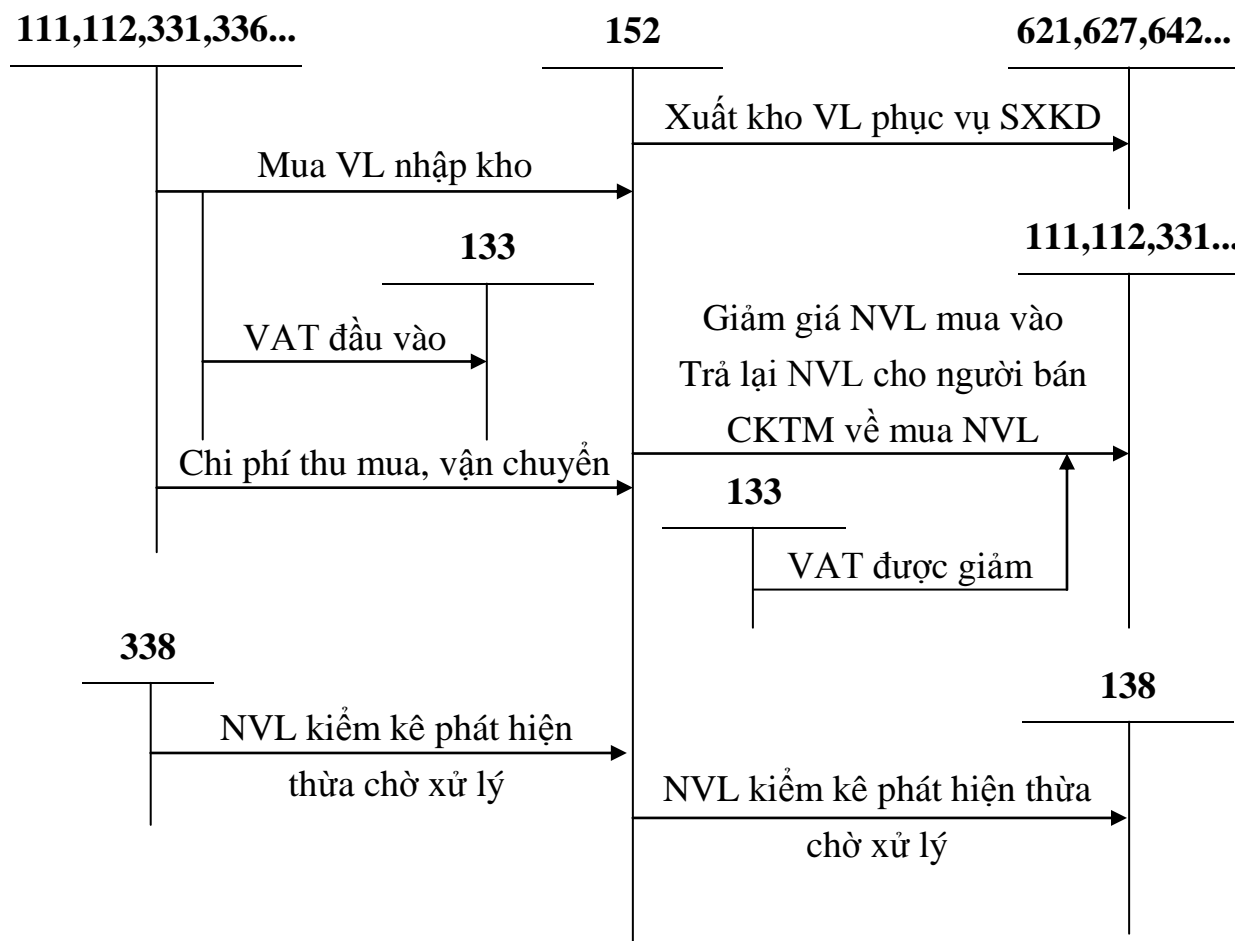
Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ sách kế toán về nguyên vật liệu tại chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container



2.2.5.4. Phương pháp hạch toán:

Chi nhánh chọn hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Đây là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán nên tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ cũng xác định được trị giá vật tư nhập, xuất, tồn kho. Mặc dù tại Chi nhánh giá trị nguyên vật liệu không lớn nhưng Chi nhánh vẫn áp dụng phương pháp này nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các quyết định của ban giám đốc cũng như tăng cường quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ hơn.

Sơ đồ 2.9: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container



★ **Kế toán tổng hợp tăng nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu tại chi nhánh tăng chủ yếu do hai nguyên nhân:

- Mua nguyên vật liệu : Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng về mua nguyên vật liệu, phiếu nhập kho nguyên vật liệu, biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu, kế toán ghi nhận bút toán:

Nợ TK 152: Trị giá mua nguyên vật liệu

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ về mua NVL

Có TK 111,112: Chi nhánh đã thanh toán bằng TM hoặc CK

Có TK 331: Chi nhánh chưa thanh toán (mua ngoài)

Có TK 336: Chi nhánh chưa thanh toán (mua nội bộ)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 5:

Ngày 04/12/2009, chi nhánh mua 300 m² gỗ ván thông của công ty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam với tổng giá thanh toán là 19.800.000 đ (Thuế suất thuế GTGT là 10%). Mọi chi phí vận chuyển do bên bán hàng chịu. Chi nhánh đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành định khoản cho nghiệp vụ này:

| | |
|------------|------------|
| Nợ TK 152: | 18.000.000 |
| Nợ TK 133: | 1.800.000 |
| Có TK 111: | 19.800.000 |

Khi gỗ ván thông được vận chuyển về đến Chi nhánh, ban kiểm nghiệm vật tư sẽ tiến hành kiểm tra và giao cho thủ kho nhập kho. Thủ kho lập phiếu nhập kho số 23. Ba liên phiếu nhập kho được giao cho kế toán vật tư, thủ kho và người giao hàng. Khi nhận được hóa đơn Giá trị gia tăng số 003879 do bên bán giao, kế toán thanh toán viết phiếu chi số 42.

Các chứng từ của nghiệp vụ này bao gồm:

- Phiếu chi số 42 (**Biểu 6**)

Biểu 6: Phiếu chi số 42 ngày 04/12/2009

| | | | | |
|--|------------------|---|-------------------|-----------------|
| CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP | | Mẫu số 02-TT QĐ số 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC Quyển số: 01- tháng 12/2009 SỐ: 42 NỢ:152,133 CÓ:111 | | |
| PHIẾU CHI | | | | |
| Ngày 04 tháng 12 năm 2009 | | | | |
| Họ tên người nhận tiền: anh Tuấn (Hiền Tam) | | | | |
| Địa chỉ: Cty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam | | | | |
| Lý do chi: Mua vật liệu | | | | |
| Số tiền: 19.800.000 (Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn) | | | | |
| Kèm theo:.....Chứng từ gốc:..... | | | | |
| Ngày 04 tháng 12 năm 2009 | | | | |
| Thủ trưởng đvị | KT trưởng | Người lập | Người nhận | Thủ quỹ |
| <i>Phan Minh</i> | <i>Bùi Thị</i> | <i>Phạm Thị</i> | <i>Ngô Văn</i> | <i>Trần Thị</i> |
| <i>Phuong</i> | <i>Nguyệt</i> | <i>Hương</i> | <i>Tuấn</i> | <i>Hường</i> |
| Đã nhận đủ số tiền: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn | | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phiếu nhập kho số 23 ngày 04/12/2009 (Biểu 7)

Biểu 7 : Phiếu nhập kho số 23 ngày 04/12/2009

| CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP | | | | Mẫu số 01-VT <i>QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày</i> <i>20/03/2006 của Bộ trưởng BTC</i> | | | |
|--|---|---|-------------------|---|--------------|--|------------|
| PHIẾU NHẬP KHO Ngày 04 tháng 12 năm 2009 | | | | SỐ: 23 NỢ:152 CÓ:111 | | | |
| Họ tên người giao hàng: Tuấn (Hiền Tam) | | | | | | | |
| Theo hóa đơn GTGT số 003879 ngày 01/12/2009 của Cty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam. | | | | | | | |
| Nhập tại kho:..... | | | | | | | |
| S T T | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Gỗ ván thông | | m ² | 300 | 300 | 60.000 | 18.000.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 18.000.000 |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu đồng chẵn | | | | | | | |
| Nhập, ngày 04 tháng 12 năm 2009 | | | | | | | |
| Người lập <i>Hà Thị Lụa</i> | | Người giao hàng <i>Ngô Văn Tuấn</i> | | Thủ kho <i>Hà Thị Lụa</i> | | Kế toán trưởng <i>Bùi Thị Nguyệt</i> | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 003879 (Biểu 8)

Biểu 8: Hóa đơn GTGT số 003879

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------|---|----------|--|--------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1x2 |
| | Gỗ ván thông | m ² | 300 | 60.000 đ | 18.000.000 đ |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.000.000 đ |
| Thuế suất GTGT:10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.800.000 đ |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 19.800.000 đ |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng <i>Phạm Văn Mẫn</i> | | Người bán hàng <i>Vũ Thị Thu Hiền</i> | | Thủ trưởng đơn vị <i>Nguyễn Xuân Tam</i> | |

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL
BT/2009B
003879

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam
Địa chỉ: Khu Phú Xá- Đông Hải 1- Hải An- Hải Phòng
Số tài khoản: MST: 0200904242
Điện thoại: MS:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Chi nhánh cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Địa chỉ: Lô 26- khu Hạ Đoạn 2 - phường Đông Hải 2 - quận Hải An- Hải Phòng
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM MS:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu 9)

Biểu 9: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

CN cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 003879 ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH công nghiệp và thương mại Hiền Tam

- Ban kiểm nghiệm gồm:

1. Ông Mai Anh Trường – Phó xưởng.
2. Bà Mai Bích Thủy – Kế toán vật tư.
3. Bà Hà Thị Lụa – Thủ kho.

Đã kiểm kê các loại vật tư dưới đây:

| STT | Tên, nhãn hiệu, qui cách vật tư (sản phẩm, hàng hoá) | Đơn vị tính | Số lượng | | | | Ghi chú |
|-----|--|----------------|---------------|------------------|-------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | Theo chứng từ | Theo kiểm nghiệm | Đúng qui cách phẩm chất | Không đúng qui cách phẩm chất | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | D |
| 01 | Gỗ ván thông | m ² | 300 | 300 | 300 | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Kết luận của ban kiểm nghiệm: *Số lượng thực nhập đúng với số lượng ghi trên hoá đơn người bán.*

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2009

Đại diện xưởng SX **Thủ kho** **Kế toán vật tư** **Đại diện BP thu mua**
Mai Anh Trường *Hà Thị Lụa* *Mai Bích Thủy* *Phạm Văn Mẫn*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nguyên vật liệu tăng do khi kiểm kê kho vật tư, phát hiện vật tư trong kho thừa so với sổ sách thì căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán ghi bút toán:

Nợ TK 152: Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa

Có TK 338: Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa chưa tìm được nguyên nhân

Có TK 711: Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa không tìm được nguyên nhân

★ Kế toán tổng hợp giảm nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu tại chi nhánh giảm chủ yếu do xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Trên phiếu xuất kho phản ánh đầy đủ thông tin về mục đích xuất vật liệu, bộ phận sử dụng vật liệu...do vậy, căn cứ vào phiếu xuất kho nguyên vật liệu, kế toán phản ánh bút toán:

Nợ TK 621: Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm

Nợ TK 627: Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất chung cho phân xưởng

Nợ TK 642: Xuất nguyên vật liệu phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp

Có TK 152: Trị giá nguyên vật liệu xuất kho

Ví dụ 6:

Ngày 02/12/2009, xưởng sản xuất yêu cầu xuất gỗ ván thông, nhựa Đài Loan theo định mức để sản xuất container 2183237-20'VP. Phòng kinh doanh đã duyệt yêu cầu xuất vật tư và lệnh cho thủ kho xuất vật tư để kịp thời sản xuất. Ngày 03/12/2009 thủ kho làm thủ tục xuất kho những vật liệu trên cho xưởng sản xuất.

Để hạch toán, ghi vào sổ sách nghiệp vụ này, kế toán phải tiến hành tính giá xuất kho của vật liệu gỗ ván thông và vật liệu nhựa Đài Loan. Kế toán căn cứ vào số lượng, trị giá nguyên vật liệu tồn đầu tháng 12/2009 và số lượng, trị giá nguyên vật liệu nhập kho trong tháng để tính đơn giá xuất kho của các loại vật liệu (tính giá xuất kho như trong ví dụ 3 và ví dụ 4 ở trên). Có bảng tổng hợp sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG TỔNG HỢP TÍNH ĐƠN GIÁ VẬT TƯ XUẤT KHO

Tháng 12 - 2009

| S T T | Tên vật tư | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | ĐG xuất NVL tháng 12/2009 (2+4)/(1+3) |
|-------------|------------------|----------------------|-------------------|--------------------|-------------------|--|
| | | Số lượng (1) | Thành tiền (2) | Số lượng (3) | Thành tiền (4) | |
| 1 | Gỗ ván thông | 32 m ² | 1.920.000đ | 450 m ² | 27.300.000đ | 60.622đ/ m ² |
| 2 | Nhựa Đài Loan | 237,6 m ² | 10.584.960đ | 396 m ² | 17.622.000đ | 44.519đ/ m ² |

Theo bảng định mức vật tư sử dụng để sản xuất container 2183237-20'VP thì lượng gỗ ván thông cần cho sản xuất container này là 6,5 m² và nhựa Đài Loan là 45,8 m². Như vậy, trị giá vật liệu xuất kho ở nghiệp vụ này là:

$$60.622 \times 6,5 + 44.519 \times 45,8 = 2.433.013 \text{ đồng}$$

Căn cứ và giá vật liệu xuất kho tính được ở trên, kế toán ghi nhận bút toán:

Nợ TK 621: 2.433.013

Có TK 152: 2.433.013

Để có vật tư phục vụ sản xuất, căn cứ vào bảng định mức vật tư dùng để dựng mới container 2183237-20', đại diện xưởng sản xuất lập phiếu yêu cầu xuất vật tư gửi lên phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh phê duyệt yêu cầu xuất vật tư rồi viết lệnh xuất vật tư trình cho giám đốc ký duyệt. Lệnh xuất vật tư được chuyển cho thủ kho để xuất vật tư. Khi xuất vật tư, thủ kho viết phiếu xuất kho số 48. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: thủ kho giữ 1 liên, kế toán vật tư giữ 1 liên, liên còn lại giao cho người nhận vật tư.

Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ này bao gồm:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Yêu cầu xuất vật tư do xưởng sản xuất gửi lên (**Biểu 10**)

Biểu 10: Yêu cầu xuất vật tư

CN cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Tên tôi là: Lưu Văn Hải - Chức vụ: Tổ trưởng

Bộ phận: Sản xuất container văn phòng.

Kính trình phòng kinh doanh cấp những nguyên vật sau để phục vụ sản xuất container 2183237-20'VP.

| STT | MVT | Tên vật tư | ĐVT | Định mức | Nhu cầu VT cho SX |
|-----|-----|--------------------------|----------------|----------|-------------------|
| | | | | | |
| 12 | H1 | Hộp nối điện thoại | cái | 1 | 12 |
| 13 | H4 | Hạt ổ cắm | cái | 4 | 13 |
| 14 | K3 | Keo sữa Bujico | kg | 4 | 14 |
| 15 | K4 | Khoá Việt Tiệp tay ngang | bộ | 1 | 15 |
| 16 | K9 | Kính 930x330 | tám | 4 | 16 |
| 17 | L1 | Thép lập là | kg | 20 | 17 |
| 18 | N11 | Nhựa ốp trần Đài Loan | m ² | 45,8 | 18 |
| 19 | O5 | Ống đồng phi 12 | m | 1 | 19 |
| 20 | P2 | Phào nhựa | cây | 10,5 | 20 |
| | | | | | |

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2009

Người yêu cầu

Lưu Văn Hải

Trưởng phòng kinh doanh

Nguyễn Đình Chiến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Bảng định mức vật tư sản xuất container 2183237-20'VP (Biểu 11)

Biểu 11: Trích bảng định mức vật tư dùng để dựng mới container 2183237-20'

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - Hải Phòng



BẢNG ĐỊNH MỨC VẬT TƯ SỬ DỤNG ĐỂ DỰNG MỚI CONT 2183237-20'

| STT | Mã vật tư | Tên vật tư | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------|--------------------------|----------------|----------|
| 1 | B42 | Băng quấn | kg | 0,1 |
| 2 | C5 | Chà sét | cục | 2 |
| 3 | C14 | CO2 | chai | 2 |
| 4 | D2 | Dây 1x2.5 | m | 52 |
| 5 | D7 | Dây điện thoại | m | 7 |
| 6 | D11 | Dây súp 0.75 | m | 13 |
| 7 | Đ3 | Đèn đôi 1.2m | bộ | 2 |
| 8 | Đ15 | Điều hoà Nagakawa C132 | bộ | 1 |
| 9 | G5 | Gas | binh | 1 |
| 10 | G19 | Góc kẽm | cây | 4 |
| 11 | G27 | Gỗ ván thông | m ² | 6,5 |
| 12 | H1 | Hộp nối điện thoại | cái | 1 |
| 13 | H4 | Hạt ổ cắm | cái | 4 |
| 14 | K3 | Keo sữa Bujico | kg | 4 |
| 15 | K4 | Khoá Việt Tiếp tay ngang | bộ | 1 |
| 16 | K9 | Kính 930x330 | tấm | 4 |
| 17 | L1 | Thép lập là | kg | 20 |
| 18 | N11 | Nhựa ốp trần Đài Loan | m ² | 45,8 |
| 19 | O5 | Ống đồng phi 12 | m | 1 |
| 20 | P2 | Phào nhựa | cây | 10,5 |
| | | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Lệnh xuất vật tư của phòng kinh doanh cấp (**Biểu 12**)

Biểu 12: Lệnh xuất vật tư để sản xuất container 2183237-20'VP

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Dùng để dựng mới 01 container 2183237-20'VP

| STT | MVT | Tên vật tư | ĐVT | Định mức | Duyệt cấp |
|-----|-----|--------------------------|----------------|----------|-----------|
| 12 | H1 | Hộp nối điện thoại | cái | 1 | 12 |
| 13 | H4 | Hạt ổ cắm | cái | 4 | 13 |
| 14 | K3 | Keo sữa Bujico | kg | 4 | 14 |
| 15 | K4 | Khoá Việt Tiệp tay ngang | bộ | 1 | 15 |
| 16 | K9 | Kính 930x330 | tám | 4 | 16 |
| 17 | L1 | Thép lập là | kg | 20 | 17 |
| 18 | N11 | Nhựa ốp trần Đài Loan | m ² | 45,8 | 18 |
| 19 | O5 | Ống đồng phi 12 | m | 1 | 19 |
| 20 | P2 | Phào nhựa | cây | 10,5 | 20 |
| | | | | | |

Hải phòng, ngày 03 tháng 12 năm 2009

Trưởng phòng kinh doanh
Nguyễn Đình Chiến

Kế toán vật tư
Mai Bích Thủy

Giám đốc
Phan Minh Phương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phiếu xuất kho số 48 ngày 03/12/2009 (Biểu 13)

Biểu 13: Phiếu xuất kho số 48 ngày 03/12/2009

| CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP | | | | Mẫu số 02-VT QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC NỢ: 621 CÓ: 152 SỐ: 48 | | | | | | | | | | | |
|--|--|-------------------|-----------------------|--|--------------|------------------------|--------------------|------------------|------------------------|----------------|-----------------------|-------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
| PHIẾU XUẤT KHO Ngày 03 tháng 12 năm 2009 | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên người nhận hàng: Lưu Văn Hải | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do xuất kho: sản xuất container 2183237-20'VP | | | | | | | | | | | | | | | |
| Xuất tại kho: Chi nhánh Địa điểm:..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| S T T | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền | | | | | | | | |
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | | | | | | | | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | | | | | | | | |
| 1 | Gỗ ván thông | | m ² | 6,5 | 6,5 | 60.622đ/m ² | 394.043 đ | | | | | | | | |
| 2 | Nhựa Đài Loan | | m ² | 45,8 | 45,8 | 44.519đ/m ² | 2.038.970 đ | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 2.433.013 đ | | | | | | | | |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng Số chứng từ kèm theo: 03 <p style="text-align: right;">Ngày 03 tháng 12 năm 2009</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="text-align: center; width: 25%;">Người lập</td> <td style="text-align: center; width: 25%;">Người nhận hàng</td> <td style="text-align: center; width: 25%;">Thủ kho</td> <td style="text-align: center; width: 25%;">Kế toán trưởng</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><i>Hà Thị Lụa</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Lưu Văn Hải</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Hà Thị Lụa</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Bùi Thị Nguyệt</i></td> </tr> </table> | | | | | | | | Người lập | Người nhận hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | <i>Hà Thị Lụa</i> | <i>Lưu Văn Hải</i> | <i>Hà Thị Lụa</i> | <i>Bùi Thị Nguyệt</i> |
| Người lập | Người nhận hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | | | | | | | | | | | | |
| <i>Hà Thị Lụa</i> | <i>Lưu Văn Hải</i> | <i>Hà Thị Lụa</i> | <i>Bùi Thị Nguyệt</i> | | | | | | | | | | | | |

- Ngoài ra, nguyên vật liệu tại chi nhánh bị giảm do mất mát, hao hụt. Để phản ánh nguyên vật liệu bị mất, kế toán căn cứ vào biên bản kiểm kê để ghi nhận bút toán:

Nợ TK 138: Trị giá nguyên vật liệu bị mất

Nợ TK 152: Trị giá nguyên vật liệu bị mất

Từ ví dụ 5 và ví dụ 6 ở trên

★ Kế toán phản ánh vào các sổ sách kế toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Sổ chi tiết 152 – vật liệu gỗ ván thông (**Biểu 15**), Sổ chi tiết 152 – vật liệu nhựa Đà Loan (**Biểu 17**)
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu 18**)
- Sổ nhật ký chung (**Biểu 19**)
- Sổ cái tài khoản 152 (**Biểu 20**), tài khoản 621 (**Biểu 21**), tài khoản 111, tài khoản 133 (**Biểu 22**)
 - ★ Thủ kho ghi thẻ kho vật liệu gỗ ván thông (**Biểu 14**) và thẻ kho vật liệu nhựa Đà Loan (**Biểu 16**)
 - ★ Thủ quỹ ghi sổ quỹ

Biểu 14: Trích thẻ kho vật liệu gỗ ván thông năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

THẺ KHO

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Gõ ván thông

Mã số: G27

Đơn vị tính: m²

| STT | NT | SHCT | | Diễn giải | Ngày N, X | Số lượng | | | Chữ ký của KT |
|-----|-------|-----------|----------|---------------------|-----------|------------|--------------|--------------------|---------------|
| | | N | X | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | | <u>SĐĐK</u> | | | | <u>57,5</u> | |
| | | | | | | | | | |
| 184 | 11/05 | | 86-05/09 | Xuất vật tư cho sx | 11/05 | | 58,7 | 11,8 | |
| | | | | | | | | | |
| 247 | 14/08 | 124-08/09 | | Mua vật tư nhập kho | 14/08 | 120 | | 132,5 | |
| | | | | | | | | | |
| 393 | 03/12 | | 48-12/09 | Xuất vật tư cho sx | 03/12 | | 6,5 | 238,5 | |
| 414 | 04/12 | 23-12/09 | | Mua vật tư nhập kho | 04/12 | 300 | | 532 | |
| 415 | 23/12 | 94-12/09 | | Mua vật tư nhập kho | 23/12 | 150 | | 682 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | Cộng SPS | | 750 | 767,5 | | |
| | | | | <u>SDCK</u> | | | | <u>40</u> | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 15: Trích sổ chi tiết 152-Vật liệu gỗ ván thông năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm: 2009

Tài khoản: 152

Tên, quy cách VL, DC, SP, HH: Gỗ ván thông

Tiểu khoản:

Mã số VL, DC, SP, HH: G27

Tên kho: Kho chi nhánh

Đơn vị tính: m²

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|------------|-------|----------------------------------|-------|----------------------|------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------------|-------------------------|
| SH | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | <u>SDDK</u> | | <u>60.000</u> | | | | | <u>57,5</u> | <u>3.450.000</u> |
| | | | | | | | | | | |
| PX48-12/09 | 03/12 | Xuất NVL để sx cont2183237-20'VP | 621 | 60.622 | | | 6,5 | 394.043 | 238,5 | 14.453.100 |
| PN23-12/09 | 04/12 | Mua vật liệu nhập kho | 111 | 60.000 | 300 | 18.000.000 | | | 532 | 31.973.200 |
| PN94-12/09 | 23/12 | Mua vật liệu nhập kho | 111 | 60.500 | 150 | 9.300.000 | | | 682 | 41.056.400 |
| | | | | | | | | | | |
| | | Cộng SPS | | | 750 | 46.125.000 | 767,5 | 47.164.502 | | |
| | | <u>SDCK</u> | | <u>60.262</u> | | | | | <u>40</u> | <u>2.410.498</u> |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 16: Trích thẻ kho vật liệu nhựa Đài Loan năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

THẺ KHO

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Nhựa Đài Loan

Mã số: N11

Đơn vị tính: m²

| STT | NT | SHCT | | Diễn giải | Ngày N, X | Số lượng | | | Chữ ký của KT |
|-----|-------|----------|----------|----------------------------------|-----------|------------|--------------|---------------------|---------------|
| | | N | X | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | | <u>SDDK</u> | | | | <u>237,6</u> | |
| | | | | | | | | | |
| | 04/05 | 17-05/09 | | Mua nhựa nhập kho | 04/05 | 396 | | 412 | |
| | | | | | | | | | |
| | 12/08 | 68-08/09 | | Mua nhựa nhập kho | 12/08 | 129 | | 211 | |
| | | | | | | | | | |
| | 03/12 | | 48-12/09 | XK nhựa để sx cont 2183237-20'VP | 03/12 | | 45,8 | 134,7 | |
| | 04/12 | 32-12/09 | | Mua nhựa nhập kho | 04/12 | 128 | | 262,7 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | Cộng SPS | | 824 | 792,3 | | |
| | | | | <u>SDCK</u> | | | | <u>269,3</u> | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 17: Trích sổ chi tiết 152-Vật liệu nhựa Đài Loan năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm: 2009

Tài khoản: 152

Tên, quy cách VL, DC, SP, HH: Nhựa Đài Loan

Tiêu khoản:

Mã số VL, DC, SP, HH: N11

Tên kho: Kho vật tư

Đơn vị tính: m²

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|------------|-------|--------------------------------------|-------|---------------|------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| SH | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | SDDK | | 44.546 | | | | | 237,6 | 10.584.130 |
| | | | | | | | | | | |
| PN17-05/09 | 04/05 | Mua nhựa nhập kho | 112 | 44.500 | 396 | 17.622.000 | | | 412 | 18.251.600 |
| | | | | | | | | | | |
| PN68-08/09 | 12/08 | Mua nhựa nhập kho | 111 | 45.000 | 129 | 5.805.000 | | | 211 | 8.962.400 |
| | | | | | | | | | | |
| PX48-12/09 | 03/12 | Xuất NVL để sx cont 2183237-20'VP | 621 | 44.519 | | | 45,8 | 2.038.970 | 134,7 | 6.002.501 |
| PN34-12/09 | 04/12 | Mua nhựa nhập kho | 111 | 45.000 | 128 | 5.760.000 | | | 262,7 | 11.772.900 |
| | | | | | | | | | | |
| | | Cộng SPS | | | 824 | 36.668.000 | 792,3 | 35.265.273 | | |
| | | SDCK | | 44.511 | | | | | 269,3 | 11.986.857 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 18: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2009

| STT | Tên, quy cách VL, DC, SP, HH | Số tiền | | | |
|-----|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | | Tồn ĐK | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn CK |
| 1 | Aptomat 15A +30A | 432.000 | 1.450.000 | 864.000 | 1.018.000 |
| 2 | Bóng đèn Halogien | 142.778 | - | - | 142.778 |
| 3 | Bản lề cối lớn | 260.000 | - | 195.000 | 65.000 |
| 4 | Bảo ôn phi 19 | 166.667 | 625.000 | 23.810 | 767.857 |
| 5 | Cửa nhựa cứng | 2.955.000 | | 2.706.818 | 248.182 |
| 6 | Cửa lùa vách ngăn 800 x 2000 | 2.600.000 | - | - | 2.600.000 |
| 7 | Dây hàn Na | 3.312.828 | 12.546.000 | 2.576.623 | 13.282.205 |
| 8 | Dây súp 0,75 | 299.200 | 425.200 | 321.606 | 402.794 |
| 9 | Điều hòa Nagakawa | 35.954.546 | 85.500.000 | 30.818.183 | 90.636.364 |
| 10 | Gỗ ván thông | 3.450.000 | 46.125.000 | 47.164.502 | 2.410.498 |
| 11 | Ống đồng phi 12 | 1.641.710 | - | 69.860 | 1.571.850 |
| 12 | Nhựa Đài Loan | 10.584.130 | 36.668.000 | 35.265.273 | 11.986.857 |
| | | | | | |
| | Cộng | 3.989.959.160 | 2.578.555.161 | 6.532.741.783 | 357.772.538 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 19: Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|------------------|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 03 | PX48 | 03/12 | Xuất NVL cho sản xuất | 621 | 2.433.013 | |
| | | | | 152 | | 2.433.013 |
| 04 | HĐ003879 | 04/12 | Mua VL NK đã toán bằng TM | 152 | 18.000.000 | |
| | | | | 133 | 1.800.000 | |
| | | | | 111 | | 19.800.000 |
| 04 | PT07 | 04/12 | Thu tiền nợ thuê cont của cty Diên Hải | 111 | 3.505.000 | |
| | | | | 131 | | 3.505.000 |
| | | | | | | |
| 17 | HĐ0071888 | 17/12 | Trả tiền mua thép của DNTN Bình Tâm | 152 | 96.443.000 | |
| | | | | 133 | 9.644.300 | |
| | | | | 112 | | 106.087.300 |
| 17 | GBC NH Indo-Vina | 17/12 | Thu tiền đặt cọc 3 cont HC-40' | 112 | 15.000.000 | |
| | | | | 338 | | 15.000.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng | | 20.003.883.106 | 20.003.883.106 |

Biểu 20: Trích sổ cái tài khoản 152 năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|------------|-------|-------------------------------------|------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | <u>3.989.959.160</u> | |
| | | | | | | |
| 03/02 | PN15-02/09 | 03/02 | Mua thép chưa thanh toán | 331 | 61.085.460 | |
| | | | | | | |
| 27/04 | PN89-04/09 | 27/04 | Mua cửa lõi thép thanh toán bằng CK | 112 | 66.120.000 | |
| | | | | | | |
| 16/10 | PN68-10/09 | 16/10 | Mua sơn thanh toán 50% bằng CK | 331 | 33.060.000 | |
| | | | | 112 | 33.060.000 | |
| | | | | | | |
| 03/12 | PX48-12/09 | 03/12 | XK NVL để SX cont 2183237-20'VP | 621 | | 2.433.013 |
| 04/12 | PN23-12/09 | 04/12 | Mua vật liệu nhập kho trả bằng TM | 111 | 18.000.000 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng SPS | | 7.361.638.191 | 10.993.824.813 |
| | | | <u>SDCK</u> | | <u>357.772.538</u> | |

Biểu 21: Trích sổ cái tài khoản 621 năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|----------------|----|---|-------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | | |
| | | | | | | |
| 03/12 | PX48- 12/09 | | Xuất NVL để sản xuất cont 2183237-20'VP | 152 | 21.253.253 | |
| 31/12 | PKT | | K/chuyển CP NVLTT cho sx cont 2183237-20'VP | 154 | | 21.253.253 |
| 31/12 | PX97- 12/09 | | Xuất NVL để sản xuất cont 5234744 - 40'VP | 152 | 26.586.262 | |
| 31/12 | PKT | | K/chuyển CP NVLTT cho sx cont 5234744-40'VP | 154 | | 26.586.262 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng SPS | | 6.815.880.469 | 6.815.880.469 |
| | | | <u>SDCK</u> | | | |

Biểu 22: Trích sổ cái tài khoản 133 năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: VAT được khấu trừ

Số hiệu: 133

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TKĐƯ' | Số tiền | |
|----------|-----------|-------|--|------------------|--------------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | <u>SDDK</u> | | <u>45.628.087</u> | |
| | | | | | | |
| 14/09 | HĐ0177318 | 14/09 | Mua máy tính xách tay thanh toán bằng CK | 112 | 2.189.524 | |
| | | | | | | |
| 23/10 | HĐ0092554 | 23/10 | Mua lưới inox thanh toán bằng TM | 111 | 36.800 | |
| | | | | | | |
| 07/11 | HĐ0038974 | 07/11 | Mua sơn đã thanh toán bằng TM | 111 | 348.000 | |
| | | | | | | |
| 04/12 | HĐ003879 | 04/12 | Mua vật liệu nhập kho thanh toán bằng TM | 111 | 1.800.000 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng SPS | | 1.173.872.986 | 1.219.501.073 |
| | | | <u>SDCK</u> | | - | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.6. Công tác kiểm kê kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Tại chi nhánh công ty, việc kiểm kê kho được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần vào ngày 31/12 hàng năm.

Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho nhằm thống kê số lượng, chất lượng nguyên vật liệu tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại chi nhánh.

Trước khi kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để việc kiểm kê được thuận lợi. Đồng thời, kế toán nguyên vật liệu cũng phải hoàn thiện, khóa sổ kế toán và tính ra số lượng, giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ban kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên biên bản kiểm kê kho vật tư. Căn cứ kết quả kiểm kê ban giám đốc sẽ ra những quyết định về xử lý nguyên vật liệu bị mất mát, hao hụt hay có những biện pháp quản lý nguyên vật liệu tốt hơn.

Nhìn chung trong ba năm gần đây, hàng tồn kho tại chi nhánh được bảo quản tốt không ảnh hưởng đến chất lượng hàng tồn kho. Về mặt số lượng, một số loại hàng tồn kho bị mất mát nhưng số lượng không nhiều, cơ bản không ảnh hưởng đến tình hình dự trữ cũng như sản xuất của Chi nhánh.

Giám đốc Chi nhánh ban hành quyết định thành lập ban kiểm kê hàng tồn kho (***Biểu 23***)

Vào ngày 31-12 hàng năm, ban kiểm kê tiến hành kiểm kê hàng tồn kho. Kết quả của công tác kiểm kê được thể hiện trong “Biên bản kiểm kê kho vật tư” – (***Biểu 24***). Trên biên bản kiểm kê thể hiện số lượng nguyên vật liệu được theo dõi trên sổ sách và số liệu nguyên vật liệu có thực tế tại kho, từ hai thông tin trên tính được số chênh lệch về nguyên vật liệu tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 23: Quyết định thành lập ban kiểm kê hàng tồn kho.

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng

Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định số 11/09/QĐ

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CTCP HƯNG ĐẠO

(V/v thành lập ban kiểm kê hàng tồn kho)

- Căn cứ điều lệ Công ty CP Hưng Đạo Container ngày 28 tháng 2 năm 2009 quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc Công Ty
- Căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh của chi nhánh Công ty CP Hưng Đạo Container tại Hải Phòng số : 0203010022 do sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 4 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập ban kiểm kê hàng tồn kho gồm những Ông (bà) có tên sau:

- | | |
|---------------------|----------------|
| 1. Phan Minh Phương | Giám đốc |
| 2. Bùi Thị Nguyệt | Kế toán trưởng |
| 3. Mai Bích Thủy | Kế toán vật tư |
| 4. Hà Thị Lua | Thủ kho |
| 5. Mai Anh Trường | Phó xưởng |

Điều 2: Ban kiểm kê có trách nhiệm kiểm tra về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, chất lượng hàng tồn kho vào ngày 31/12/2009 và báo cáo về ban giám đốc chi nhánh kết quả kiểm kê.

Điều 3: Bộ phận quản lý vật tư và các bộ phận liên quan tại chi nhánh Hải Phòng chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này

Nơi nhận:

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2009

- Bộ phận quản lý vật tư

Giám đốc chi nhánh

- Các bộ phận có liên quan

Phan Minh Phương

- Lưu văn phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 24: Trích biên bản kiểm kê kho vật tư năm 2009

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ KHO VẬT TƯ

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009, vào hồi 08 giờ 00, tại kho của Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo container, chúng tôi gồm:

- | | |
|---------------------|----------------|
| 1. Phan Minh Phương | Giám đốc |
| 2. Bùi Thị Nguyệt | Kế toán trưởng |
| 3. Mai Bích Thủy | Kế toán vật tư |
| 4. Hà Thị Lụa | Thủ kho |
| 5. Mai Anh Trường | Phó xưởng |

Đã tiến hành kiểm kê kho. Kết quả như sau:

| MVT | Tên vật tư | ĐVT | SL số sách | SL thực tế | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----|------------|------------|-------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7) |
| A1 | Aptomat 15A+30A | Bộ | 3.0 | 3.0 | - | |
| B8 | Bếp cắt gas | Cái | 27.0 | 27.0 | - | |
| C11 | Chổi than 419 | Đôi | 5.0 | 5.0 | - | |
| D3 | Dây hàn Na | Kg | 405.0 | 405.0 | - | |
| P12 | Form cont lạnh | kg | 77.0 | 77.0 | - | |
| Q2 | Quạt hút | Cái | 2.0 | 2.0 | - | |
| T21 | Thép tấm 4 lyx1,25mx2,660m | Tấm | 5.0 | 5.0 | - | |
| V37 | Ván sàn1.16mx2.093mx2.f | Tấm | 23.8 | 23.8 | - | |
| S27 | Sắt phi 34 kềm BTP | Cây | 65.0 | 65.0 | - | |
| T4 | Thép hộp 25x50 BTP | Cây | 107.0 | 107.0 | - | |
| | | | | | | |

Kết quả này được các thành viên trong ban kiểm kê thông qua và cùng ký tên.

Biên bản này hoàn thành vào hồi 17 giờ 30 ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập thành 02 bản, 01 bản được lưu tại thủ kho và một bản lưu lại văn phòng. Hai bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | | | | |
|------------------|----------------|----------------|------------------|------------------|
| KT vật tư | KTT | Thủ kho | Phó xưởng | Giám đốc |
| Mai Bích Thủy | Bùi Thị Nguyệt | Hà Thị Lụa | Mai Anh Trường | Phan Minh Phương |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PHẦN 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Từ khi thành lập đến nay, Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng đã không ngừng hoàn thiện và phát triển cả về quy mô và trình độ quản lý. Sản phẩm của Chi nhánh nói riêng và của Công ty nói chung ngày càng tạo được uy tín và chỗ đứng trên thị trường.

Trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động và các doanh nghiệp phải cạnh tranh một cách gay gắt, Chi nhánh công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị cũng như đổi mới công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ thấp giá thành sản phẩm.

Tại Chi nhánh công ty chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70% trong giá thành sản phẩm). Vì vậy để đạt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho Chi nhánh thì tối thiểu hóa chi phí mà trọng tâm là quản lý tốt về nguyên vật liệu là một trong những biện pháp hữu hiệu cho Chi nhánh. Công tác kế toán nguyên vật liệu là công cụ quản lý đắc lực để thực hiện mục tiêu trên.

Qua thời gian thực tập tại Chi nhánh Công ty đã giúp em nắm bắt được thực tế công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp sản xuất, em có điều kiện đối chiếu và hoàn thiện kiến thức đã lĩnh hội ở trường đại học. Từ đó em xin mạnh dạn đưa ra một số quan điểm của mình về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Chi nhánh công ty.

3.1.1. Ưu điểm:

★ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán tại chi nhánh tổ chức theo hình thức tập trung: Toàn bộ công tác kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của Chi nhánh. Ở các bộ phận khác như phòng kinh doanh chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách phục vụ cho nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của từng bộ phận đó. Sau đó chứng từ được chuyển về phòng kế toán của Chi nhánh để kiểm tra, xử lý và tiến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hành công tác kế toán. Do số nhân viên kế toán của Chi nhánh không nhiều nên Chi nhánh áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán này vừa kịp thời cung cấp thông tin kế toán cho công tác quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy kế toán. Các nhân viên kế toán được phân công, phân nhiệm rõ ràng nên sự chuyên môn hóa trong công việc cao giúp cho công việc tiến hành nhanh chóng và có độ chính xác cao.

★ Về công tác phân loại và mã hóa tên vật liệu:

Chi nhánh đã xây dựng hệ thống mã hóa cho từng loại nguyên vật liệu dựa vào tên gọi và chủng loại vật tư giúp cho việc quản lý, theo dõi, kiểm tra nguyên vật liệu dễ dàng hơn. Công việc mã hóa cho nguyên vật cũng tạo điều kiện thuận lợi khi Chi nhánh áp dụng phần mềm kế toán.

★ Về tổ chức sổ kế toán áp dụng:

Hiện nay Chi nhánh áp dụng ghi sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung, giữa các phần hành kế toán luôn có sự đối chiếu, trao đổi thông tin với nhau trong quá trình thực hiện cũng như vào những ngày cuối tháng, cuối quý. Chi nhánh đã áp dụng và tuân thủ theo những nguyên tắc chung về chế độ chứng từ kế toán từ khâu lập, kiểm tra. Luân chuyển cho đến khâu xử lý, bảo quản chứng từ theo đúng quy định do Bộ Tài Chính ban hành. Phương pháp này đơn giản dễ thực hiện tránh được sự trùng lặp trong quá trình ghi sổ, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý tại Chi nhánh.

★ Về công tác bảo quản nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu trước khi đưa vào sản xuất không thể tránh khỏi tác động của môi trường tự nhiên như làm hao hụt về mặt số lượng và giảm sút về mặt chất lượng. Tuy nhiên mức độ nhiều hay ít phụ thuộc lớn vào công tác bảo quản, cất trữ của mỗi doanh nghiệp. Vấn đề này luôn được Chi nhánh đặc biệt chú trọng. Để bảo quản nguyên vật liệu, Chi nhánh đã xây dựng kho chứa vật liệu gần phân xưởng để thuận tiện cho việc vận chuyển khi xuất nguyên vật liệu cho sản xuất. Tuy tại Chi nhánh chỉ có một kho chứa vật liệu nhưng các loại vật liệu khác nhau được bố trí thành từng khu riêng biệt để dễ dàng cho công tác xuất dùng cũng như kiểm tra. Như vậy kho vật liệu của Chi nhánh được bố trí khá khoa học và hợp lý, do đó nguyên vật liệu luôn ở trạng thái tốt nhất để kịp thời phục vụ cho hoạt động sản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

xuất kinh doanh. Hơn nữa, Chi nhánh cũng bố trí đội ngũ nhân viên thủ kho có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc nên đã nâng cao được hiệu quả công việc đồng thời giảm được những chi phí do vật liệu thiếu hụt, hư hỏng gây ra. Đây là việc làm Chi nhánh nên tiếp tục phát huy.

★ Về công tác xuất dùng nguyên vật liệu:

Tại Chi nhánh, nguyên vật liệu được xuất dùng vào hai mục đích chính là dựng mới và sửa chữa container.

Để xác định chủng loại và số lượng nguyên vật liệu cần cho việc dựng mới một loại container với tiêu chuẩn, kích thước như thiết kế, bộ phận kỹ thuật của Công ty trong thành phố Hồ Chí Minh xây dựng bảng định mức nguyên vật liệu cho từng loại container và chuyển giao cho tất cả các chi nhánh của Hưng Đạo container trên toàn quốc để tiến hành sản xuất khi có đơn đặt hàng. Vì vậy khi xuất vật tư để dựng mới một container, các bộ phận trực tiếp liên quan như phân xưởng sản xuất sẽ căn cứ vào bảng định mức để lập yêu cầu xuất vật tư và thủ kho cũng lấy bảng định mức vật tư làm căn cứ để tiến hành xuất vật tư. Do đó trong khâu sản xuất không gây lãng phí vật tư và buộc mỗi người công nhân trực tiếp sản xuất có ý thức trách nhiệm, sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm và có hiệu quả.

Khi Chi nhánh nhận sửa chữa container, trước hết bộ phận kỹ thuật của Chi nhánh tiến hành khảo sát, thẩm định container nhận sửa, trên cơ sở đó bộ phận kỹ thuật xây dựng danh sách những loại vật liệu cần thiết và đề xuất với phòng kinh doanh xuất vật liệu để phục vụ kịp thời cho công tác sửa chữa. Do bộ phận kỹ thuật và bộ phận sản xuất hoạt động độc lập với nhau nên đảm bảo trong khâu lập danh sách vật tư cần thiết để sửa chữa container không có sự lãng phí về nguyên vật liệu. Đây là một minh chứng cụ thể cho sự quản lý chặt chẽ trong khâu sử dụng vật tư tại Chi nhánh.

★ Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành nghề sản xuất và theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành thường xuyên, đúng quy định. Mặt khác, do Chi nhánh áp dụng hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên tức là phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Phương pháp này phù hợp với tình hình vật tư tại Chi nhánh và đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Chi nhánh hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện trong khâu kiểm tra số liệu và cung cấp thông tin kịp thời cho kế toán tổng hợp.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh đạt được, sau thời gian thực tập em nhận thấy Chi nhánh còn một số thiếu sót sau:

★ **Thứ nhất:** Về việc ứng dụng phần mềm vào công tác kế toán

Mặc dù Chi nhánh đã trang bị đầy đủ máy vi tính cho các nhân viên kế toán nhưng hệ thống máy tính chỉ giúp cho công việc tính toán đơn giản hơn còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên hiệu quả làm việc chưa cao, chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho công tác quản lý.

★ **Thứ hai:** Về việc phân công nhân viên kế toán

Chủng loại vật liệu tại Chi nhánh khá nhiều, việc xuất nhập nguyên vật liệu lại thường xuyên, bên cạnh đó nhân viên kế toán nguyên vật liệu còn đảm nhận công tác khác cho Chi nhánh do vậy khối lượng công việc khá lớn, chông chéo phần nào gây áp lực ảnh hưởng đến chất lượng hạch toán kế toán.

★ **Thứ ba:** Về công tác lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại Chi nhánh chưa tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu Chi nhánh không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo toàn vốn kinh doanh, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh.

★ **Thứ tư:** Về việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban

Tại Chi nhánh mọi chứng từ đều được luân chuyển đúng trình tự, tuy nhiên giữa các phòng ban không có sổ giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất mát chứng từ không thể xác định mất ở khâu nào, thời gian nào, do ai để quy trách nhiệm xử lý.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

3.2.1. Sự cần thiết của hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu:

Nước ta đang trong thời kỳ mở cửa hội nhập với nền kinh tế khu vực cũng như thế giới. Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với sự cạnh tranh rất gay gắt. Muốn tồn tại, mỗi doanh nghiệp cần năng động, nhanh nhạy nắm bắt xu thế vận động của thị trường, sáng tạo tìm được phương hướng đúng đắn để phát triển. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện các công cụ quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí kinh doanh thấp nhất. Kế toán là một trong những công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực cho mục đích đó. Thông qua việc thu thập, xử lý, hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và cung cấp các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự vận động của tài sản trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp lãnh đạo doanh nghiệp kịp thời đưa ra các quyết định đem lại hiệu quả cao.

Vì vậy việc hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán nói chung, công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp là một vấn đề hết sức cần thiết.

Mục đích của việc hoàn thiện kế toán là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp. Với các doanh nghiệp sản xuất chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất do vậy hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng để quản lý tốt, hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh từ đó nâng cao được lợi nhuận cho doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu:

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Quá trình hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp Doanh nghiệp quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, tránh được những mất mát, sử dụng hiệu quả vật tư, giảm chi phí cho doanh nghiệp, từ đó nâng cao lợi nhuận đưa doanh nghiệp phát triển, kích thích người lao động cống hiến cho doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công tác hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu góp phần làm cho thông tin kế toán cung cấp có độ chính xác cao hơn giúp cho nhà quản lý phân tích, đánh giá đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thấy được thực tế tình hình quản lý sử dụng nguyên vật liệu để từ đó có những biện pháp điều chỉnh kịp thời. Mặt khác, thông tin kế toán mang lại đáng tin cậy hơn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container chi nhánh Hải Phòng:

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều biến động và sự cạnh tranh diễn ra gay gắt, để tồn tại, đứng vững và phát triển cũng như các doanh nghiệp khác, ban giám đốc Chi nhánh không ngừng đi sâu tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế còn tồn tại ở Chi nhánh. Thông tin trung thực, chính xác do kế toán đem lại là cơ sở quan trọng để giúp ban giám đốc Chi nhánh đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời.

Để đạt được kết quả cao trong quá trình hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, kế toán tại Chi nhánh nên thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản của công tác tổ chức kế toán, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống kế toán.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng những cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành. Nếu doanh nghiệp muốn sửa đổi phải sửa đổi trong một khuôn khổ nhất định, tôn trọng nguyên tắc chung và phải có sự chấp thuận của các cơ quan quản lý.

- Việc hoàn thiện phải phù hợp với doanh nghiệp đồng thời phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp và kết quả cuối cùng đem lại là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đảo ứng thông tin chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời cho việc ra quyết định về các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện công tác kế toán nhằm mục tiêu cuối cùng là tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất từ đó đem lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau một thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty, trên cơ sở phân tích những ưu điểm và một số hạn chế còn tồn tại ở Công ty cổ phần Hưng đạo container chi nhánh Hải Phòng em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Chi nhánh.

3.2.3.1. Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Trong thời đại ngày nay khi khoa học ngày càng phát triển việc áp dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp khá phổ biến. Phần mềm kế toán giúp quá trình hạch toán, tổng hợp số liệu, lập các báo cáo tài chính thuận lợi, nhanh chóng, chính xác hơn. Nhờ đó nâng cao hiệu quả làm việc của kế toán, giảm bớt các thao tác thủ công, hạn chế sai sót. Do vậy Chi nhánh nên có kế hoạch đưa phần mềm kế toán vào sử dụng, điều này trước hết sẽ giảm bớt khối lượng cho phòng kế toán nói chung và đặc biệt là cho kế toán vật tư nói riêng. Mặt khác khi áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán sẽ giúp kế toán viên dễ dàng theo dõi, tìm kiếm thông tin kế toán một cách nhanh chóng mà không mất nhiều thời gian. Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp cắt giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo khối lượng công việc.

Để làm được điều này Chi nhánh cần làm được một số công việc sau:

- Tìm kiếm nhà cung cấp phần mềm có uy tín trên thị trường.
- Lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm của Chi nhánh.
- Tạo điều kiện cho nhân viên kế toán học hỏi, bồi dưỡng để sử dụng thành thạo phần mềm.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán được nhiều doanh nghiệp tin dùng như: MISA, SAS INOVA, ESOFT... Tuy nhiên mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh riêng nên chương trình áp dụng phần mềm ở mỗi doanh nghiệp cũng khác nhau để phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Trình tự kế toán sử dụng phần mềm kế toán như sau: Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, xác định tài khoản Nợ, Có để lập dữ liệu vào các bảng biểu được thiết kế sẵn trong phần mềm kế toán. Các thông tin kế toán sau đó sẽ tự động nhập vào sổ kế toán. Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập các báo cáo tài chính. Việc đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được thực hiện tự động và đảm bảo kịp thời, chính xác với thông tin đã nhập vào trong kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.3.2. Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán Chi nhánh nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng. Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho bị giảm giá.

Một số quy định khi Chi nhánh tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán năm khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng thứ vật tư, hàng hoá, sản phẩm tồn kho.

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng thứ vật tư, hàng hoá xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trên cơ sở tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của từng mặt hàng, kế toán xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

Trong đó:

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho} - \text{Giá trị thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC}$$

Kế toán có thể lập bảng kê chi tiết giảm giá hàng tồn kho để liệt kê các loại hàng hóa, số lượng, mức chênh lệch giảm giá hàng tồn kho để làm căn cứ cho việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

| STT | Tên hàng | Số lượng kiểm kê | Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho | | | Tổng tiền |
|-----|----------|------------------|----------------------------------|----------------|------------|-----------|
| | | | Giá hạch toán | Giá thị trường | Chênh lệch | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh trên Tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” sử dụng để điều chỉnh trị giá gốc hàng tồn kho của các tài khoản hàng tồn kho. Kết cấu của tài khoản này như sau:

- Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

★ Phương pháp hạch toán kế toán và một số nghiệp vụ chủ yếu:

1. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

3.2.3.3. Về việc luân chuyển chứng từ:

Chứng từ là căn cứ ghi chép quan trọng nhất của công tác kế toán. Tuy nhiên mỗi chứng từ kế toán không chỉ liên quan riêng một bộ phận kế toán mà nó liên quan đến rất nhiều bộ phận khác vì vậy khi các bộ phận chuyển giao chứng từ cho nhau Chi nhánh nên lập sổ giao nhận chứng từ. Mỗi khi luân chuyển chứng từ các bên giao nhận chứng từ phải ký vào sổ giao nhận chứng từ. Có vậy khi xảy ra mất mát, thất lạc chứng từ sẽ dễ dàng truy cứu và quy trách nhiệm.

Để chứng từ về đúng hạn, cung cấp kịp thời cho kế toán, Chi nhánh cần quy định rõ thời hạn gửi chứng từ và xử lý các chứng từ gửi về muộn ảnh hưởng đến công tác kế toán. Giữa các bộ phận nên có sự liên lạc thường xuyên để đảm bảo việc cung cấp số liệu hàng ngày.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi nhánh có thể xây dựng mẫu sổ giao nhận chứng từ như mẫu dưới đây. Khi có chứng từ luân chuyển thì người trực tiếp giao, nhận chứng từ sẽ ký tên vào các cột tương ứng.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

| STT | Ngày tháng | Chứng từ | | Nội dung chứng từ | Nơi bàn giao | Chữ ký người giao CT | Chữ ký người nhận CT |
|-----|------------|----------|---------|-------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| | | Ngày | Số hiệu | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

3.2.3.4. Về việc phân công nhân viên kế toán:

Do đặc thù công tác kế toán là phải làm việc với các số liệu, sổ sách, chứng từ thường xuyên, liên tục trong điều kiện Chi nhánh không áp dụng phần mềm kế toán nên không tránh khỏi những sai sót. Nếu việc phân công công tác kế toán không hợp lý, hoặc một nhân viên phải đảm trách nhiều vai trò sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Bởi vậy Chi nhánh có thể tuyển thêm nhân viên cho phòng kế toán hoặc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt khối lượng công việc kế toán. Đồng thời Chi nhánh nên quan tâm tạo điều kiện cho các nhân viên kế toán nói riêng, người lao động trong toàn Chi nhánh nói chung học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có điều kiện phát huy hết khả năng góp phần xây dựng thương hiệu Hưng Đạo container ngày càng lớn mạnh.

KẾT LUẬN

Công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng ngày càng giữ vai trò quan trọng trong công tác hoạch định và quản lý ở các doanh nghiệp, nhất là trong các doanh nghiệp sản xuất. Việc tính chính xác, đầy đủ các yếu tố đầu vào là cơ sở để xác định đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về tình hình biến động tài sản giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định và biện pháp nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm. Đây chính là điều kiện để tăng lợi nhuận, tăng quy mô phát triển sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế và tạo nên lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng. Từ đó em rút ra được một số vấn đề:

- Về lý luận: Thấy rõ được vai trò quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: Chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác quản lý, sử dụng nguyên vật liệu để từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Chi nhánh công ty.

Em xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Dương Văn Biên trong ban thanh tra thành phố và các anh chị trong phòng kế toán cùng ban lãnh đạo Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian thực tập và giúp em hoàn thành bài khóa luận. Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Minh Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 1 – hệ thống tài khoản kế toán của Nhà xuất bản Lao động xã hội.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu của Nhà xuất bản Lao động xã hội.
3. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp của tác giả PGS.TS Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Luận văn các khóa trước tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
5. Sổ sách, số liệu kế toán của Chi nhánh công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng.